

THÔNG BÁO

Đôn đốc sinh viên nộp học phí

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-ĐHDL ngày 04/06/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc quy định mức thu học phí đối với người học năm 2024-2025.

Hiện nay còn nhiều sinh viên nợ học phí các kỳ học chính, học kỳ phụ, học phí học lại, học cải thiện (có danh sách kèm theo).

Nhà trường yêu cầu các sinh viên khẩn trương hoàn thành nghĩa vụ nộp học phí nội dung như sau:

1. Thời hạn nộp: trước ngày 30/6/2025, nếu sinh viên không nộp sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

2. Tổ chức thực hiện:

- Sinh viên thanh toán học phí online trên cổng thông tin sinh viên <http://sinhvien.epu.edu.vn>

- Phòng CTSV, Cố vấn học tập, Giáo viên chủ nhiệm các lớp, Trưởng các Khoa phối hợp đôn đốc sinh viên nộp học phí theo đúng quy định của Nhà trường.

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng không tổ chức thi cho sinh viên còn nợ tiền học phí./. *phs*

Nơi nhận:

- Sinh viên;
- Website;
- Phòng CTSV, KT&ĐBCL;
- Các Khoa;
- Lưu: VT, KHTC, ThuyNT(01).

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ

(Kèm theo Thông báo số 1519/TB-ĐHDL ngày 20 tháng 6 năm 2025)

ĐVT: đồng

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
1	1681420106	NGUYỄN VĂN	CƯƠNG	01/02/1998	D11DCN&DD1	590.000
2	1681940008	ĐẶNG TIẾN	ĐẠT	11/04/1998	D11DIENLANH	843.000
3	1681110123	NGUYỄN	HIỆU	21/04/1998	D11H1	2.615.000
4	1681640014	NGUYỄN TÙNG	LÂM	04/09/1998	D11QLDA&CTD	8.949.500
5	1681210121	VI TIẾN	HOÀNG	06/06/1998	D11QLNL	7.965.000
6	1681320042	VŨ MẠNH	TÚ	30/05/1998	D11QTANM	1.010.000
7	1681410318	LÊ ĐÌNH	ĐÔNG	05/04/1998	D11TDH&DKTB	1.767.627
8	1681630006	HOÀNG VĂN	ĐÔNG	14/05/1998	D11XDCTD	1.046.000
9	1781310147	LÝ QUANG	LINH	13/02/1999	D12CNPM2	6.478.000
10	1781410006	LÊ QUỐC	CHUNG	29/03/1998	D12CNTD	1.046.000
11	1781620039	NGUYỄN VĂN	HẢI	02/08/1999	D12CODT1	3.661.000
12	1781620107	NGUYỄN VĂN TÙNG	VIỆT	21/06/1999	D12CODT1	1.770.000
13	1781420110	NGUYỄN VĂN	DƯƠNG	31/08/1999	D12DCN&DD	2.615.000
14	1781940017	ĐÀO MINH	HOÀNG	24/07/1996	D12DIENLANH	1.180.000
15	1781510089	NGÔ VIỆT	DŨNG	27/02/1995	D12DTVT	630.000
16	1781810101	ĐỖ THÚY	ANH	10/10/1999	D12KTDN2	1.293.000
17	1781510205	TRẦN MINH	CÔNG	14/02/1998	D12KTDT	523.000
18	1781510216	HẠ BÁ	HIỆU	04/09/1999	D12KTDT	2.092.000
19	1781510221	NGUYỄN KHÁNH	HÙNG	12/06/1999	D12KTDT	9.937.000
20	1781910005	ĐÌNH QUỐC	THÊ	13/02/1999	D12NHIT	1.046.000
21	1781210007	ĐỖ QUANG	ĐẠT	03/06/1999	D12QLNL	1.770.000
22	1781710028	NGUYỄN QUANG	HUY	20/03/1999	D12QTDN	6.034.000
23	1781710032	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	18/12/1999	D12QTDN	495.000
24	1781820003	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	15/11/1999	D12TCDN	630.000
25	1781820072	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	16/05/1999	D12TCDN	726.000
26	1781330005	NGUYỄN THANH	BÌNH	10/02/1999	D12TMDT	2.655.000
27	1781330029	NGUYỄN QUANG	LINH	21/07/1999	D12TMDT	2.092.000
28	1781330031	DƯƠNG THANH	LƯƠNG	23/11/1999	D12TMDT	885.000
29	1781630019	LÊ NHẬT	QUANG	02/07/1999	D12XDCTD	590.000
30	1781650002	TRẦN ĐỨC	ANH	29/11/1999	D12XDDD&CN	1.375.500
31	18810430017	NGÔ THÊ	THÀNH	04/06/2000	D13TDH&DKTBCN3	523.000
32	18810310020	NGUYỄN VĂN	MẠNH	29/03/2000	D13CNPM1	4.707.000
33	18810550017	TRẦN ĐỨC	LONG	28/11/2000	D13DT&ROBOT	8.368.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
34	18810430060	PHẠM NGUYỄN TUẤN	ANH	05/09/2000	D13TDH&DKTBCN1	523.000
35	18810430061	NGUYỄN KIM	VIỆT	24/07/2000	D13CNKTDK	5.753.000
36	18810430068	VŨ HẢI	PHONG	17/05/2000	D13TDH&DKTBCN3	523.000
37	18810430121	ĐÀO TUẤN	ANH	25/11/2000	D13TDH&DKTBCN2	523.000
38	18810720152	NGUYỄN LAN	NHI	18/09/2000	D13QTDLKS	1.485.000
39	18810410139	DƯƠNG MINH	HIẾU	28/11/2000	D13CNKTDK	5.753.000
40	18810430140	PHẠM PHI	LONG	07/05/2000	D13TDH&DKTBCN2	523.000
41	18810410155	TRẦN TRUNG	HIẾU	23/04/2000	D13CNKTDK	1.046.000
42	18810510083	NGUYỄN NHẬT	MINH	03/12/2000	D13DTVT	3.382.000
43	18810000094	PHƯƠNG ĐỨC	TOÀN	04/09/2000	D13DT&KTMT	1.770.000
44	18810430175	LÊ TUẤN	MẠNH	09/02/2000	D13TDH&DKTBCN2	523.000
45	18810550105	TRẦN ĐỨC	NGHĨA	17/01/2000	D13DT&ROBOT	1.770.000
46	18810510107	ĐỖ THÀNH	TRUNG	08/05/2000	D13DTYT	10.460.000
47	18810310054	PHẠM QUANG	ÁNH	22/03/2000	D13CNPM1	6.276.000
48	18810310057	LÊ VIỆT	ĐỨC	24/12/2000	D13CNPM1	6.276.000
49	18810310066	NGUYỄN BÌNH	KHIÊM	24/12/2000	D13CNPM1	6.276.000
50	18810310074	PHÙNG TRẦN ĐỨC	MINH	20/01/2000	D13CNPM1	1.770.000
51	18810310091	CHU VĂN	ĐẠT	10/01/2000	D13CNPM1	6.799.000
52	18810310099	PHÙNG NGỌC	HUY	08/10/2000	D13CNPM1	4.372.000
53	18810310112	NGUYỄN MAI ĐỨC	BÌNH	04/02/2000	D13CNPM2	590.000
54	18810320122	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	03/04/2000	D13QTANM	2.655.000
55	18810310141	TRẦN QUỐC	VƯƠNG	08/12/1998	D13CNPM2	1.046.000
56	18810310171	HOÀNG VIỆT	ANH	13/01/2000	D13CNPM2	2.655.000
57	18810310198	ĐỖ DIỆP	KHANH	20/01/2000	D13CNPM3	1.180.000
58	18810310201	LÊ HẢI	LONG	13/10/2000	D13CNPM2	201.000
59	18810310212	NHỮ VIỆT	HOÀNG	11/01/2000	D13CNPM3	1.495.000
60	18810310230	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	22/07/2000	D13CNPM3	2.065.000
61	18810320261	NGUYỄN HỒNG	HẢI	21/08/2000	D13QTANM	2.295.000
62	18810310299	NGUYỄN THANH	TÙNG	19/05/2000	D13CNPM4	885.000
63	18810310362	LÊ DUY	HẢI	05/09/2000	D13CNPM4	2.360.000
64	18810310437	BÙI THÀNH	LONG	19/06/2000	D13CNPM5	4.720.000
65	18810310461	TRẦN ĐỨC	HUY	03/01/2000	D13CNPM6	3.755.000
66	18810310478	NGUYỄN THÁI QUỲNH	AN	17/11/2000	D13CNPM6	4.935.000
67	18810550118	DƯƠNG ĐỨC	HUY	20/04/2000	D13DT&ROBOT	15.692.000
68	18810610022	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	08/05/2000	D13CKCTM	134.000
69	18810610029	DƯƠNG VĂN	ĐẠT	07/11/2000	D13CKCTM	1.046.000
70	18810310572	HOÀNG	SƠN	29/08/2000	D13CNPM7	4.425.000
71	18810340574	ĐOÀN MẠNH	QUÂN	22/10/2000	D13HTTMDT2	1.475.000
72	18810650007	TỔNG TRUNG	KIÊN	15/01/2000	D13XDDD&CN	1.770.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
73	18810310591	LƯU TÙNG	LINH	07/07/2000	D13CNPM7	1.089.000
74	18810660062	ĐOÀN TUẤN	ANH	26/07/2000	D13CNCTTBD	6.248.000
75	18810170121	TRẦN QUANG	HƯỚNG	29/06/2000	D13TDHHTD	590.000
76	18810810051	HÀ THU	HÀNG	02/10/2000	D13KTDN1	2.227.500
77	18810220006	CAO PHI	YẾN	16/08/2000	D13QLCN	1.206.000
78	18810170233	NGUYỄN VIỆT	ANH	05/10/2000	D13DIENLANH	43.000
79	18810420235	DƯƠNG VĂN	HIẾU	07/09/2000	D13DCN&DD1	1.089.000
80	18810110249	LÊ MINH	LONG	20/11/2000	D13H2	523.000
81	18810110260	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	02/12/2000	D13H2	7.080.000
82	18810810084	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	24/10/2000	D13KTDN1	1.485.000
83	18810220013	VŨ QUANG	HUY	08/12/2000	D13QLCN	1.770.000
84	18810230037	NGUYỄN ĐÌNH	KHÁNH	15/09/2000	D13LOGISTICS	3.255.000
85	18810810215	NGUYỄN HOÀNG	LONG	09/03/2000	D13KTDN3	1.485.000
86	18810510130	NGUYỄN QUANG	HUY	13/10/1999	D13KTD1	975.000
87	18810230046	TRỊNH NHƯ	HOA	15/08/2000	D13LOGISTICS	134.000
88	18810830240	PHẠM NGUYỄN NGÂN	HÀ	24/04/2000	D13KT&KS	1.980.000
89	18810820102	TRƯƠNG THỊ	CÚC	23/04/2000	D13TCDN	5.000.000
90	18810420322	ĐÌNH ĐỨC	MẠNH	05/09/2000	D13DCN&DD2	840.000
91	18810830252	PHƯƠNG	THÚY	08/04/2000	D13KT&KS	3.487.500
92	18810230056	BÙI THỊ THANH	MAI	14/03/2000	D13LOGISTICS	192.000
93	18810310727	NGUYỄN QUANG	TRUNG	25/07/2000	D13CNPM2	1.770.000
94	1681410378	NGUYỄN KHẮC	TIẾN	28/04/1994	D11TDH&DKTB	1.046.000
95	19810310001	LÝ QUANG	SANG	12/12/2001	D14CNPM1	1.180.000
96	19810110006	NGUYỄN HUY	HOÀNG	12/08/2001	D14H1	2.360.000
97	19810110012	HÀ TUẤN	VŨ	09/11/2001	D14H1	2.360.000
98	19810710037	TRẦN NGỌC	SƠN	08/10/2001	D14QTDN1	117.000
99	19810720049	NGUYỄN VĂN	VƯỢNG	02/09/2001	D14QTDLKS1	742.500
100	19810720063	KIỀU THỊ	HUYỀN	28/05/2001	D14QTDLKS1	2.586.000
101	19810720076	TRƯƠNG VŨ KHOA	BẰNG	18/5/2001	D14QTDLKS1	990.000
102	19810710078	HOÀNG VĂN	HIẾU	05/03/2001	D14QTDN1	495.000
103	19810720084	TỪ MINH	HIẾU	07/09/2001	D14QTDLKS1	2.227.500
104	19810720117	VŨ HOÀI	NAM	09/07/2001	D14QTDLKS1	1.485.000
105	19810710129	LÊ YẾN	NHI	30/08/2001	D14QTDN2	990.000
106	19810710133	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	25/06/2001	D14QTDN2	990.000
107	19810720228	ĐÀO VĂN	CHIẾN	07/10/2001	D14QTDLKS2	1.485.000
108	19810720240	NGUYỄN GIANG	NAM	01/04/2001	D14QTDLKS2	4.230.000
109	19810710247	NGUYỄN THỊ THANH	LAM	20/07/2001	D14QTDN3	6.817.500
110	19810430026	NGUYỄN MINH	HẢI	19/08/2001	D14TDH&DKTBCN4	362.000
111	19810430027	LÊ HÀ	DUY	10/9/2001	D14TDH&DKTBCN1	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
112	19810720248	ĐẶNG THỊ	LAN	07/10/2001	D14QTDLKS2	2.265.795
113	19810310078	VŨ XUÂN	LINH	26/04/2000	D14CNPM2	2.950.000
114	19810810101	ĐẶNG VŨ HỒNG	PHÚC	19/7/2001	D14KTDN2	742.500
115	19810720261	HOÀNG HẢI	LONG	18/12/2001	D14QTDLKS1	1.485.000
116	19810310083	LÊ MINH	ĐẠT	07/09/2001	D14CNPM2	2.360.000
117	19810810153	HOÀNG NHẬT	MAI	19/03/2001	D14KTDN3	3.255.000
118	19810000038	NGUYỄN CẢNH	TUẤN	16/10/2001	D14KDTMTT	630.000
119	19810310089	NGUYỄN DUY	THẮNG	27/07/2001	D14CNPM1	1.180.000
120	19810310118	NGUYỄN ĐÌNH	HOAN	10/5/2001	D14CNPM2	885.000
121	19810310128	PHẠM VĂN	CÔNG	11/10/2001	D14CNPM2	2.950.000
122	19810340132	NGUYỄN THÂN NHẬT	HUY	21/8/2001	D14HTTMDT2	885.000
123	19810310138	NGUYỄN HỮU MINH	DƯƠNG	15/03/2001	D14CNPM3	590.000
124	19810310148	VŨ VĂN	MẠNH	06/06/2001	D14CNPM3	885.000
125	19810310189	ĐOÀN NGUYỄN	VŨ	23/09/2001	D14CNPM3	590.000
126	19810310199	PHẠM TIẾN	DŨNG	02/03/2001	D14CNPM3	2.360.000
127	19810110040	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	03/01/2001	D14H1	7.375.000
128	19810110041	CHU ANH	ĐỨC	21/09/2001	D14H1	590.000
129	19810110042	NGUYỄN VIỆT	NHẬT	23/04/2001	D14H1	1.180.000
130	19810310265	NGUYỄN VĂN	ANH	28/12/2001	D14CNPM4	885.000
131	19810310294	NGUYỄN ĐÌNH ANH	QUỐC	12/07/2001	D14CNPM5	134.000
132	19810310313	LÊ VIỆT	TRUNG	06/05/2001	D14CNPM5	2.655.000
133	19810310320	NGUYỄN NGỌC	HÀ	10/01/2001	D14CNPM5	1.770.000
134	19810310347	DƯƠNG TIẾN	ĐỨC	22/09/2001	D14CNPM2	2.575.000
135	19810310351	BÙI QUỐC	HUY	22/11/2001	D14CNPM3	5.900.000
136	19810310366	NGUYỄN ĐỨC	CÔNG	25/12/2001	D14CNPM4	2.065.000
137	19810340392	PHÙNG TRUNG	HIẾU	17/09/2001	D14HTTMDT2	1.770.000
138	19810320406	HOÀNG NHẬT	KHÁNH	19/7/2001	D14QTANM1	885.000
139	19810000416	HOÀNG TRUNG	ĐỨC	13/11/2001	D14TTNT&TGMT	1.046.000
140	19810310425	BÙI TRẦN ĐỨC	KHÁNH	03/04/2001	D14CNPM6	1.770.000
141	19810310440	ĐỖ NGỌC	BÁCH	03/04/2001	D14CNPM6	885.000
142	19810310461	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	13/09/2001	D14CNPM6	1.180.000
143	19810310489	NGUYỄN KIM	DƯƠNG	18/07/2001	D14CNPM7	885.000
144	19810340493	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	20/12/2001	D14HTTMDT1	726.000
145	19810310504	NGUYỄN DUY BÁ	HUY	22/02/2001	D14CNPM7	885.000
146	19810310514	KIỀU CHÍ	MINH	15/01/2001	D14CNPM7	9.414.000
147	19810310516	LÊ VŨ	HOÀNG	03/10/2001	D14CNPM7	2.655.000
148	19810320550	HOÀNG ANH	TẤN	02/12/2001	D14QTANM2	4.773.000
149	19810310560	PHẠM VĂN	ĐỨC	01/05/2001	D14CNPM7	885.000
150	19810310567	TRẦN BẢO	KHANH	29/07/2001	D14CNPM7	885.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
151	19810320594	NGUYỄN ANH	NHÂN	23/08/2001	D14QTANM2	1.180.000
152	19810310600	NGUYỄN MINH	HIẾU	22/12/2001	D14CNPM8	1.475.000
153	19810310613	NGUYỄN TRỌNG	HÙNG	10/11/2001	D14CNPM8	1.770.000
154	19810840058	THÁI THỊ	KHUYÊN	30/05/2001	D14NGANHANG	1.485.000
155	19810310643	NGUYỄN VĂN	DOANH	24/11/2001	D14CNPM8	3.540.000
156	19810620026	VŨ VĂN	GIANG	01/01/2001	D14CODT	1.260.000
157	19810230037	LÊ TRƯỜNG	GIANG	09/08/2001	D14LOGISTICS1	3.350.000
158	19810640077	VŨ XUÂN	THẶNG	12/02/2001	D14KTD	3.540.000
159	19810000083	TRẦN HẢI	LONG	19/10/2001	D14CKOTO	3.181.000
160	19810230048	ĐỖ DUY	KHÁNH	10/03/2001	D14LOGISTICS1	2.970.000
161	19810230050	ĐẶNG TÙNG	DƯƠNG	13/08/2001	D14LOGISTICS1	1.370.000
162	19810610093	TRẦN HẢI	ĐĂNG	04/04/2001	D14CKCTM	590.000
163	19810000095	MAI SỸ	BẮNG	23/03/2001	D14KTNL	590.000
164	19810000101	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	01/07/2001	D14CKOTO	1.770.000
165	19810620057	TRẦN VĂN	TÂN	29/01/2001	D14CODT	885.000
166	19810230067	NGUYỄN MINH	BẢO	11/12/2001	D14LOGISTICS2	1.089.000
167	19810110083	LƯU VĂN	TUẤN	29/07/2001	D14H1	1.770.000
168	19819110010	NGUYỄN DUY	KHÁNH	18/05/2001	D14NHIET	2.655.000
169	19810170087	NGUYỄN DUY	LONG	25/03/2001	D14TDHHTD2	590.000
170	19810420092	ĐỖ QUỐC	HUY	11/11/2001	D14DCN&DD2	1.475.000
171	19810650100	NGÔ MINH	THẢO	17/09/2001	D14XDCTD	7.375.000
172	19810170143	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	28/08/2001	D14TDHHTD1	590.000
173	19810420155	TẠ ANH	QUÂN	26/02/2001	D14DCN&DD1	295.000
174	19810510131	CHU VĂN	HÀ	09/01/2001	D14DTVT	1.733.000
175	19810510140	TRẦN NGỌC	CƯƠNG	14/2/2001	D14DTVT	1.264.500
176	19810110260	HÀ HUY	TUẤN	03/11/2001	D14H3	590.000
177	19810000149	LÊ NHẬT	MINH	06/01/2001	D14KTD	1.046.000
178	19810000152	TÔ TIẾN	ĐẠT	16/1/2001	D14TBDTYT	3.540.000
179	19810000159	NGUYỄN XUÂN	DUY	02/07/2001	D14KTD	1.046.000
180	19810110322	NGUYỄN VŨ	LONG	07/9/2001	D14H3	2.065.000
181	19810000169	DƯƠNG ĐỨC	HIẾU	05/02/2001	D14DTVT	1.770.000
182	19810000119	NGUYỄN QUÍ	ĐẠT	10/09/2001	D14THDK&TDH	2.950.000
183	19810000120	TRẦN DUY	KHÁNH	09/11/2001	D14THDK&TDH	1.395.000
184	19810430122	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	07/10/2001	D14TDH&DKTBCN2	1.980.000
185	19810430151	NGUYỄN NGỌC	MÃN	11/08/2001	D14TDH&DKTBCN2	1.180.000
186	19810410192	HOÀNG VIỆT	ANH	29/05/2001	D14CNKTDK2	590.000
187	19810430319	TRẦN BÁ	BÌNH	12/10/2001	D14TDH&DKTBCN4	791.000
188	19810110362	TRẦN MẠNH	TIẾN	12/12/2000	D14H1	1.046.000
189	19810000139	THANAVOUTH - BOUNSA	NITH	11/12/1999	D14TTDIEN	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
190	19810420368	PHẠM THÀNH	NAM	14/07/2001	D14DCN&DD2	1.180.000
191	19810310685	LÊ XUÂN	ĐỨC	05/01/2001	D14CNPM2	2.950.000
192	19810430331	NGUYỄN HỮU	LỘC	19/07/2001	D14TDH&DKTBCN1	1.770.000
193	19810000342	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	TÚ	23/07/2001	D14THDK&TDH	1.180.000
194	19810340688	HÀ MINH	HIẾU	03/02/2001	D14HTTMDT1	2.655.000
195	19810820070	BÙI QUANG	ANH	08/12/2000	D14TCDN	630.000
196	19810430356	NGUYỄN THÀNH	THẮNG	08/7/2001	D14TDH&DKTBCN4	1.046.000
197	20810420001	NGUYỄN VĂN	QUÝ	31/8/2002	D15H4	590.000
198	20810540002	ĐỖ VĂN	ĐỨC	10/6/2002	D15KTDT	4.425.000
199	20810540003	NGUYỄN BÁ	THẮNG	02/3/2002	D15DTVT	1.180.000
200	20810620006	VŨ NHẬT	QUANG	04/4/2002	D15CODT3	590.000
201	20810810004	ĐÀO LAN	ANH	26/12/2002	D15KTDN1	1.485.000
202	20810420014	NGUYỄN HÙNG	PHONG	01/9/2002	D15H4	1.770.000
203	20810420016	PHAN VĂN	HÒA	06/9/2002	D15H4	295.000
204	20810310014	NGUYỄN VĂN	MẠNH	31/01/2002	D15CNPM1	885.000
205	20810710006	NGUYỄN MINH	QUÂN	08/7/2002	D15QTDN4	645.000
206	20810420024	NGUYỄN HỒNG	SƠN	28/3/2002	D15H4	885.000
207	20810410034	NGUYỄN THU	HOÀI	02/6/2002	D15TDH&DKTBCN1	885.000
208	20810410035	VŨ PHƯƠNG	NAM	21/7/2002	D15TDH&DKTBCN1	1.180.000
209	20810410036	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	10/7/2002	D15CNKTDK	1.770.000
210	20810000521	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	05/6/2002	D15QTDVDL&LH1	2.227.500
211	20810540018	NGUYỄN QUANG	BÌNH	21/8/2002	D15MVT&MT	1.770.000
212	20810420049	NGUYỄN TUẤN	TÚ	31/01/2002	D15H4	4.425.000
213	20810420053	NGUYỄN MINH	ĐỨC	23/8/2002	D15H4	2.950.000
214	20810410051	LÊ VIỆT	HOÀNG	12/12/2002	D15TDH&DKTBCN1	885.000
215	20810540026	PHÙNG ĐỨC	TRUNG	24/9/2002	D15MVT&MT	1.180.000
216	20810420069	NGUYỄN HẢI	NAM	6/10/2002	D15H5	1.180.000
217	20810540030	LÊ THANH	BÌNH	05/01/2002	D15KTDT	3.835.000
218	20810410061	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	16/9/2002	D15TDH&DKTBCN2	1.180.000
219	20810540034	HOÀNG MINH	TRƯỜNG	06/9/2002	D15DTVT	4.050.000
220	20810410065	LÊ ĐĂNG	QUÂN	03/6/2002	D15TDH&DKTBCN2	1.475.000
221	20810540036	NGUYỄN PHAN	ANH	26/11/2002	D15DT&KTMT	1.770.000
222	20810230008	LẠI QUỐC	THẮNG	08/4/2002	D15LOGISTICS1	1.770.000
223	20810720026	NGÔ ANH	TRUNG	09/6/2002	D15QTDN4	3.502.500
224	20810720032	NÔNG THU	HUỆ	01/9/2002	D15QTDN4	1.485.000
225	20810540042	TRẦN NGỌC	MẠNH	26/12/2002	D15DT&KTMT	2.655.000
226	20810540043	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	7/7/2002	D15TBDTYT	3.835.000
227	20810410077	NGUYỄN MINH	VIỆT	13/6/2002	D15THDK&TDH	885.000
228	20810820019	LÊ ĐÀM	QUÂN	24/9/2002	D15TCDN1	1.836.720

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
229	20810000021	VŨ THỊ THU	HÀ	21/02/2002	D15KDTMTT1	1.485.000
230	20810230015	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	14/12/2002	D15LOGISTICS1	4.425.000
231	20810610024	ĐOÀN DUY	QUANG	17/7/2002	D15CKOTO1	590.000
232	20810840022	NGUYỄN MINH	HIỂN	18/10/2002	D15NGANHANG	7.672.500
233	20810620022	VƯƠNG ĐỨC	NGHĨA	01/5/2002	D15CODT1	1.180.000
234	20810410090	NGUYỄN DUY	HOÀNG	28/10/2002	D15TDH&DKTBCN4	590.000
235	20810620024	HOÀNG VĂN	LINH	14/6/2002	D15CODT1	2.360.000
236	20810840025	NGUYỄN TUẤN	ANH	02/8/2002	D15TCDN2	3.615.000
237	20810420103	NGUYỄN THANH	HẢI	25/10/2002	D15H5	590.000
238	20810810030	PHẠM HUY	HOÀNG	12/10/2001	D15KT&KS	2.970.000
239	20819120018	VŨ VĂN	NGHIỆP	01/9/2002	D15DIENLANH1	1.180.000
240	20810230019	TRẦN MẠNH	TIÊN	11/07/2002	D15LOGISTICS1	3.435.000
241	20810310056	LÊ QUÝ	VŨ	04/6/2002	D15CNPM1	3.540.000
242	20810810032	NGUYỄN THU	THẢO	02/10/2001	D15KTDN1	1.732.500
243	20810720051	NGUYỄN QUANG	MINH	30/9/2002	D15QTDN4	2.170.000
244	20810410099	NGÔ TUẤN	SƠN	06/10/2002	D15TDH&DKTBCN2	590.000
245	20810840027	NGUYỄN QUỐC	HUY	13/9/2002	D15TCDN2	4.702.500
246	20810230021	NGUYỄN HẢI	NAM	6/12/2002	D15LOGISTICS1	1.770.000
247	20810610030	BÙI QUANG	ĐẠT	28/8/2002	D15CKCTM	590.000
248	20810000028	LỤC BÌNH	DƯƠNG	16/8/2002	D15KDTMTT2	742.500
249	20810420111	PHẠM QUANG	THẮNG	30/8/2002	D15H5	1.860.000
250	20810420112	NGUYỄN VĂN	THIỆN	10/12/2002	D15DCN&DD1	590.000
251	20810540055	CHU ĐỨC	VIỆT	15/12/2002	D15KTDT	1.770.000
252	20810310064	TRẦN HOÀI	NAM	28/11/2002	D15CNPM2	4.425.000
253	20810420119	TRẦN ANH	PHÚC	17/04/2002	D15H5	1.770.000
254	20810720057	HOÀNG QUỐC	CƯỜNG	28/10/2000	D15QTDN4	2.722.500
255	20810840030	ĐỖ ĐỨC	DUY	19/10/2002	D15NGANHANG	1.485.000
256	20810720059	ĐÌNH NGỌC	KIÊN	19/4/2002	D15QTDN4	990.000
257	20810310070	ĐỖ NGUYỄN	VŨ	10/09/2002	D15HTTMDT1	1.180.000
258	20810540062	CÔNG NGHĨA	DŨNG	18/7/2002	D15DTVT	885.000
259	20810110136	LÊ HOÀNG	ANH	03/07/2000	D15H1	2.360.000
260	20810710064	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	23/12/2002	D15QTDN1	990.000
261	20810000037	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ANH	16/6/2002	D15QTDVDL&LH1	6.740.000
262	20810510065	QUÁCH THẾ	ĐỨC	13/3/2002	D15TBDTYT	885.000
263	20810630010	TRẦN ĐÌNH	PHÚC	13/4/2002	D15QLDA&CTXD	2.950.000
264	20810510066	NGUYỄN TRỌNG	DUY	26/12/2002	D15DT&KTMT	420.000
265	20810310079	HOÀNG TRỌNG	HIỆP	11/3/2002	D15CNPM2	5.605.000
266	20810110145	NGUYỄN NHẬT	MINH	19/01/2001	D15H1	295.000
267	20810510070	NGUYỄN HỮU	LAM	01/9/2002	D15MVT&MT	2.065.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
268	20810320087	NGUYỄN	DƯƠNG	01/07/2002	D15QTANM	590.000
269	20810320099	NGUYỄN MẠNH	DUY	04/09/2002	D15CNPM7	4.504.220
270	20810430148	NGUYỄN ĐÌNH	TRỌNG	20/4/2002	D15THDK&TDH	2.360.000
271	20810710090	PHẠM HOÀNG	SƠN	13/01/2002	D15QTDN1	1.094.220
272	20819120024	LÃ LAM	TÙNG	13/10/2002	D15DIENLANH1	2.950.000
273	20810000056	NGUYỄN MINH	HIẾU	07/5/2001	D15CKOTO2	5.310.000
274	20819120026	NGUYỄN TẤN	DƯƠNG	30/11/2001	D15NHIETDIEN	1.180.000
275	20810000058	NGUYỄN HUY	HOÀNG	25/8/2002	D15KTNL	590.000
276	20810430157	PHẠM MINH	ĐỨC	15/05/2002	D15CNKTDK	1.770.000
277	20810710098	NGUYỄN MINH	QUÂN	22/4/2002	D15QTDN5	742.500
278	20810820048	NGUYỄN HOÀNG	AN	13/05/2002	D15TCDN1	599.220
279	20810320129	TRẦN NAM	CƯỜNG	17/09/2002	D15CNPM7	590.000
280	20810000082	TRẦN DUY	KHANG	06/07/2002	D15CKCTM	1.770.000
281	20810110188	NGUYỄN ĐỨC	ĐẠT	22/09/2002	D15TDHHTD1	295.000
282	20810510092	CAO VĂN	MẠNH	27/02/2002	D15DTVT	1.264.500
283	20810110189	DƯƠNG VŨ AN	KHÁNH	03/10/2002	D15H2	3.540.000
284	20810810080	NGUYỄN SƠN	LÂM	23/10/2002	D15KTDN1	3.115.000
285	20810110197	VŨ MINH	HIẾU	02/04/2002	D15H2	590.000
286	20810340146	VŨ HOÀNG	LÂM	13/11/2002	D15CNPM2	2.444.500
287	20810620046	NGUYỄN VĂN	THANH	30/09/2002	D15CODT1	1.770.000
288	20810430170	NGUYỄN THÁI	SƠN	26/05/2002	D15THDK&TDH	3.540.000
289	20810510098	PHẠM VĂN	UY	30/12/2002	D15KTD1	3.540.000
290	20810340155	NGUYỄN ĐỨC	ANH	27/07/2002	D15CNPM6	1.180.000
291	20810710146	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	17/10/2002	D15QTDLKS	1.485.000
292	20810430173	NGUYỄN DANH QUANG	MINH	27/02/2002	D15TDH&DKTBCN3	1.770.000
293	20810110216	VƯƠNG QUỐC	TRUNG	22/05/2002	D15H2	590.000
294	20810430176	PHAN HUY	CHIẾN	14/04/2002	D15TDH&DKTBCN3	590.000
295	20810230061	ĐẶNG ĐỨC	DŨNG	26/04/2002	D15LOGISTICS2	3.407.500
296	20810710181	VŨ VIỆT	TRUNG	11/04/2002	D15QTDN2	990.000
297	20810710184	THÁI NGỌC BÁ	LỘC	30/10/2002	D15QTDN3	742.500
298	20810710188	GIANG BẢO	KHÁNH	22/04/2002	D15QTDLKS	4.455.000
299	20810510103	NGUYỄN ANH	QUỐC	12/02/2002	D15DT&KTMT	885.000
300	20810710205	NGUYỄN ĐỨC	ANH	12/10/2002	D15QTDN3	1.790.000
301	20810340173	NGUYỄN XUÂN	KHAI	03/04/2002	D15CNPM1	4.050.000
302	20810710208	TRƯƠNG HOÀNG	LONG	09/01/2002	D15QTDN3	990.000
303	20810230066	LÃ QUANG	HIẾU	26/09/2002	D15LOGISTICS3	885.000
304	20810340175	ĐOÀN THỊ BÍCH	DIỆP	27/03/2002	D15CNPM6	590.000
305	20810710242	ÂU NGỌC	MINH	13/01/2002	D15QTDLKS	1.485.000
306	20810710251	NGUYỄN ĐỨC	LONG	27/11/2002	D15QTDN1	2.475.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
307	20810710256	PHẠM HOÀNG	PHƯƠNG	29/11/2002	D15QTDN5	990.000
308	20810340184	NGUYỄN VIỆT	DIỆU	05/04/2002	D15CNPM6	3.592.220
309	20810720274	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	12/12/2002	D15QTDN4	2.970.000
310	20810110231	MAI CÔNG	TÙNG	10/11/2001	D15H2	590.000
311	20810710285	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	29/01/2002	D15QTDN1	3.960.000
312	20810710286	HÀ QUANG	HIẾU	02/05/2002	D15QTDN4	2.227.500
313	20810000107	ĐỖ HOÀNG	LONG	30/08/2002	D15KDTMTT1	990.000
314	20810810126	PHẠM TUYẾT	LINH	01/01/2002	D15KT&KS	2.275.000
315	20810620069	CẨM ANH	QUÂN	25/09/2002	D15CODT1	1.264.500
316	20810820084	VŨ THẾ	MẠNH	01/01/2002	D15TCDN2	1.980.000
317	20810620085	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	18/10/2002	D15CODT2	590.000
318	20810810156	LÊ VĂN	GIÁP	26/10/2002	D15KTDN2	1.260.000
319	20810620093	NGUYỄN TIẾN	ANH	04/06/2001	D15CODT3	885.000
320	20810430184	VŨ MINH	HOÀN	20/03/2002	D15TDH&DKTBCN4	5.310.000
321	20810810176	TẠ THU	PHƯƠNG	01/01/2002	D15KTDN2	1.485.000
322	20810820108	NGUYỄN NHẬT	TIẾN	14/07/2002	D15NGANHANG	1.485.000
323	20810620103	NGUYỄN MẠNH	TIẾN	06/01/2002	D15CODT2	1.305.000
324	20810340205	NGUYỄN HOÀI	NAM	10/03/2002	D15CNPM7	2.065.000
325	20810000179	BÙI TÙNG	ANH	14/06/2001	D15QTDVDL&LH2	1.485.000
326	20810000180	TRẦN THÀNH	CÔNG	13/11/2002	D15CKOTO2	4.425.000
327	20810830222	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	14/10/2002	D15KTDN3	1.293.000
328	20810110245	NGUYỄN CHÍ	HỈ	03/08/2002	D15H3	590.000
329	20810820133	BÙI NGUYỄN TRUNG	KIÊN	19/09/2002	D15TCDN2	2.227.500
330	20810430186	NGUYỄN VĂN	TÚ	25/04/2002	D15TDH&DKTBCN4	2.360.000
331	20810510109	TRỊNH TIẾN	DŨNG	09/12/2002	D15DT&KTMT	4.425.000
332	20810340217	CHU ANH	NHẬT	14/08/2002	D15CNPM1	2.280.000
333	20810340218	LÊ NHẬT	DƯƠNG	11/09/2002	D15TTNT&TGMT	2.655.000
334	20810340228	TRẦN TUẤN	DIỆP	06/12/2002	D15HTTMDT2	1.770.000
335	20810820134	NGÔ HOÀNG	TÙNG	07/06/2002	D15TCDN2	1.293.000
336	20810230077	ĐẶNG VĂN	TUYÊN	10/03/2002	D15LOGISTICS2	990.000
337	20810340256	NGUYỄN TRẦN TUẤN	DƯƠNG	02/05/2002	D15CNPM5	2.655.000
338	20810310279	NGUYỄN NGỌC	VƯƠNG	28/12/2002	D15CNPM2	1.770.000
339	20810630013	TRẦN XUÂN	VINH	03/11/2002	D15CODCT	590.000
340	20810310289	BÔ HỒNG	ĐỨC	24/09/2001	D15TTNT&TGMT	12.140.000
341	20810310291	NGUYỄN XUÂN	ĐỨC	29/09/2002	D15CNPM2	1.314.000
342	20810310292	NGUYỄN ĐĂNG	MINH	09/12/2002	D15CNPM2	885.000
343	20810310306	TRIỆU VĂN	NAM	20/05/2002	D15HTTMDT1	5.015.000
344	20810310345	PHẠM THẾ	HIỀN	06/04/2002	D15CNPM3	1.180.000
345	20810310370	NGUYỄN TRỌNG	THỊNH	12/11/2002	D15CNPM4	2.280.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
346	20810310373	PHẠM VĂN THÀNH	ĐẠT	10/09/2002	D15CNPM4	523.000
347	20810310381	BÙI CHÍ	VIỆT	29/01/2002	D15CNPM4	2.280.000
348	20810310407	TẠ QUỐC	TÙNG	28/02/2002	D15CNPM4	1.180.000
349	20810310425	NGUYỄN VĂN	THƯỜNG	17/09/2002	D15HTTMDT2	885.000
350	20810310434	NGUYỄN MINH	THÁI	21/04/2002	D15CNPM5	5.310.000
351	20810310443	BÙI MẠNH	CƯỜNG	17/06/2002	D15CNPM5	5.230.000
352	20810310474	ĐỖ VŨ	TÀI	16/02/2002	D15CNPM5	3.245.000
353	20810310476	NGUYỄN KHÁNH	TÙNG	26/12/2002	D15QTANM	1.180.000
354	20810430201	LÊ XUÂN	THẮNG	08/01/2002	D15CNKTDK	1.180.000
355	20810000201	NGUYỄN VĂN	BẢO	23/09/2002	D15KDTMTT2	1.485.000
356	20810310509	LƯU CÔNG MINH	TIẾN	15/03/2002	D15CNPM6	590.000
357	20810000203	ĐỖ ĐỨC	HIẾU	25/12/2002	D15CKCTM	1.770.000
358	20810110264	ĐÌNH MINH	TRÍ	25/03/2002	D15H3	2.950.000
359	20810000207	DƯƠNG ĐỨC	HUY	28/07/2002	D15CKCTM	2.655.000
360	20810510117	NGUYỄN ĐỨC	SƠN	03/09/2002	D15DTVT	1.770.000
361	20810310545	TRẦN MINH	ANH	31/08/2002	D15CNPM6	8.930.000
362	20810310551	LÊ NGUYỄN	TIẾN	31/08/2002	D15CNPM1	2.575.000
363	20810000221	LÊ ĐÌNH	GIANG	05/02/2002	D15CKOTO2	1.770.000
364	20810000228	NGUYỄN VIỆT	TÙNG	18/08/2002	D15CKOTO2	3.165.000
365	20810230110	ĐOÀN ĐỨC	PHƯƠNG	07/05/2002	D15LOGISTICS3	2.655.000
366	20810610244	LÊ ANH	ĐÔNG	08/11/2001	D15CKCTM	1.770.000
367	20810610247	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	25/11/2002	D15CKCTM	590.000
368	20810230134	PHẠM TRUNG	HIẾU	04/03/2002	D15LOGISTICS3	2.227.500
369	20810000247	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	27/10/2002	D15KDTMTT1	1.980.000
370	20810110269	VŨ HOÀNG	MINH	16/04/2002	D15H3	1.180.000
371	20810510121	LÊ HẢI	ĐĂNG	25/11/2002	D15DT&KTMT	523.000
372	20810230151	PHẠM QUỐC	KHANG	08/01/2002	D15LOGISTICS3	495.000
373	20810110291	NGUYỄN PHI	HÙNG	17/02/1999	D15TDHHTD1	1.770.000
374	20810170314	LÊ XUÂN	NAM	24/07/2002	D15H6	2.159.000
375	20810000262	NGUYỄN HOÀNG	HUY	25/07/2002	D15DTVT	4.935.000
376	20810170346	NGUYỄN PHÚC	CHUNG	15/01/2002	D15H6	590.000
377	20810000265	ĐOÀN XUÂN	HOÀ	16/08/2002	D15KTDT	1.770.000
378	20810170362	NGUYỄN ĐỨC	CHIẾN	18/06/2002	D15TDHHTD2	6.490.000
379	20810170365	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	06/07/2002	D15TDHHTD2	4.130.000
380	20810170369	TẠ VĂN	HUY	31/03/2002	D15H3	590.000
381	20810000280	LÊ XUÂN	BÁCH	20/08/2002	D15KTDT	885.000
382	20810170390	NGUYỄN HỮU	CHIẾN	28/09/2002	D15DCN&DD2	1.180.000
383	20810170393	NGUYỄN THÀNH	LONG	20/08/2002	D15DCN&DD2	1.180.000
384	20810170394	NGUYỄN MINH	TRÚC	29/09/2002	D15DCN&DD2	1.633.500

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
385	20810170397	CAO NGUYỄN XUÂN	PHÚ	11/11/2002	D15DCN&DD2	1.770.000
386	20810170399	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	24/10/2002	D15TDHHTD1	885.000
387	20810170403	PHẠM TIẾN	DŨNG	04/12/2001	D15TDHHTD2	590.000
388	20810160444	LÊ VĂN	LINH	31/12/2002	D15H2	1.770.000
389	20810000298	LƯƠNG GIA	PHÚC	30/06/2002	D15DT&KTMT	523.000
390	20810160454	NGUYỄN SỸ	ANH	25/03/2002	D15H3	657.000
391	20810000321	TRẦN QUANG	VINH	25/05/2002	D15KTD	885.000
392	20810160477	HÀ TRUNG	ĐỨC	30/09/2002	D15TDHHTD2	590.000
393	20810620133	LÊ VĂN	QUANG	09/11/2002	D15CODT3	3.618.000
394	20810160487	NHỮ ĐÌNH	ĐẠI	28/04/2001	D15DCN&DD2	590.000
395	20810430230	LÊ ANH	TUẤN	03/02/2002	D15TDH&DKTBCN4	1.180.000
396	20810540334	NGUYỄN KIÊN	TRUNG	30/12/2002	D15KTD	1.770.000
397	20810430232	PHẠM TIẾN	ĐẠT	24/11/2002	D15THDK&TDH	1.475.000
398	20810160504	NGUYỄN NHƯ	THỊNH	26/12/2002	D15TDHHTD2	1.770.000
399	20810160505	KIM NGỌC	BẢO	11/08/2002	D15H2	885.000
400	20810160510	NGUYỄN HỒNG	PHI	20/11/2002	D15DCN&DD2	1.475.000
401	20810160512	HOÀNG HẢI	LINH	22/10/2002	D15H2	590.000
402	20810160516	TRẦN MẠNH	LĨNH	20/06/2002	D15TDHHTD2	4.130.000
403	20810160521	NGUYỄN QUANG	HUY	31/08/2002	D15H2	590.000
404	20810430241	NGUYỄN TIẾN	THỊNH	11/01/2001	D15CNKTDK	590.000
405	20810430242	NGUYỄN DUY	NGHĨA	06/07/2002	D15TDH&DKTBCN5	1.180.000
406	20810430243	LÊ QUỐC	CƯỜNG	17/10/2002	D15CNKTDK	2.655.000
407	20810430263	ĐÌNH VĂN	THÁI	08/10/2002	D15CNKTDK	590.000
408	20810000338	PHẠM MAI	LINH	06/08/2002	D15QTDLKS	1.485.000
409	20810430289	CAO TRUNG	ĐỨC	25/05/2002	D15CNKTDK	1.180.000
410	20819120046	NGUYỄN VŨ BÌNH	MINH	16/04/2002	D15DIENLANH1	1.180.000
411	20810430293	LÊ VĂN	HẢI	14/04/2002	D15TDH&DKTBCN5	1.180.000
412	20810430295	NGUYỄN TRUNG	HUYỀN	02/01/2002	D15TDH&DKTBCN5	885.000
413	20810430299	PHAN ANH	TUẤN	15/06/2001	D15THDK&TDH	1.475.000
414	20819120047	TRẦN NHƯ	HOÀNG	12/08/2002	D15DIENLANH1	1.964.500
415	20810310570	TÔ HUY	HOÀN	01/09/2002	D15HTTMDT1	2.655.000
416	20810430331	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	09/05/2002	D15TDH&DKTBCN3	2.950.000
417	20810430352	VƯƠNG TIẾN	DŨNG	01/09/2002	D15TDH&DKTBCN1	737.000
418	20810430369	NGUYỄN ĐÀO ANH	DUY	05/11/2002	D15TDH&DKTBCN4	885.000
419	20810430378	PHẠM THÀNH	LONG	30/05/2002	D15THDK&TDH	2.065.000
420	20810430379	TRẦN XUÂN	ĐỨC	10/02/2002	D15CNKTDK	1.770.000
421	20810430392	HOÀNG PHÚC	SƠN	09/08/2002	D15TDH&DKTBCN5	1.180.000
422	20810430402	HOÀNG MINH	NAM	30/05/2002	D15TDH&DKTBCN5	1.770.000
423	20810430403	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	14/12/2002	D15THDK&TDH	1.770.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
424	20810430406	ĐẶNG QUỐC HUY	HOÀNG	01/11/2002	D15THDK&TDH	495.000
425	20810430413	NGÔ NGỌC	TÂN	28/05/2002	D15TDH&DKTBCN5	885.000
426	20810630027	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	03/06/2002	D15XDDD&CN	1.180.000
427	20810310578	NGUYỄN ĐÌNH	LƯƠNG	15/11/2001	D15TTNT&TGMT	2.655.000
428	20810000372	PHẠM QUỲNH	ANH	15/05/2002	D15KTNL	899.250
429	20819110066	NGUYỄN KHẮC	HUY	22/10/2002	D15NHIETCN	590.000
430	20810840150	PHẠM THỊ	MINH	17/12/2002	D15NGANHANG	2.475.000
431	20810000385	NGUYỄN NGỌC	ĐẠI	08/02/2002	D15KTNL	2.655.000
432	20810630032	TRẦN GIA	BẢO	02/04/2002	D15CODCT	590.000
433	20810160568	NGUYỄN HOÀNG	DƯƠNG	13/9/2002	D15H2	590.000
434	20819110075	NGUYỄN ĐỨC	VIỆT	09/05/2002	D15NHIETDIEN	590.000
435	20810630038	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	09/01/2002	D15CODCT	7.270.000
436	20810630039	ĐÀO TRỌNG	HIẾU	17/11/2002	D15XDDD&CN	590.000
437	20819110087	NGUYỄN THANH	DANH	25/03/2002	D15DIENLANH1	1.770.000
438	20819110091	VŨ ANH	TUẤN	08/07/2002	D15NHIETCN	590.000
439	20810630051	HÀ NAM	NINH	01/12/2002	D15CODCT	6.490.000
440	20810630056	LƯƠNG VĂN	THẮNG	10/12/2002	D15XDDD&CN	1.770.000
441	20810000423	TRẦN THÀNH	TRUNG	07/07/2002	D15QTDVDL&LH2	2.475.000
442	20810630059	LÊ ĐỨC	VƯƠNG	20/03/2002	D15QLDA&CTXD	6.785.000
443	20810000465	LÊ ANH	TÚ	26/06/2002	D15QLMTCN	2.655.000
444	20819110116	NGÔ HOÀNG	LONG	24/08/2000	D15DIENLANH2	4.707.000
445	20810000486	VŨ TRỊNH PHÚ	KHANG	20/11/2002	D15NLTT	2.950.000
446	20810000492	HOÀNG TÙNG	ANH	13/01/2002	D15KTNL	1.905.000
447	20810170571	HOUMPHAN	THEPPHAVONG	08/3/2001	D15H3	590.000
448	21819110001	LƯU NGỌC	HOÀN	07/08/2003	D16NHIETDIEN	590.000
449	21810610002	NGUYỄN MINH	ĐỨC	27/09/2003	D16CKOTO3	1.180.000
450	21810610005	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	01/03/2003	D16CKOTO3	2.360.000
451	21810620002	NGUYỄN HỮU	QUÂN	19/06/2003	D16CODT1	885.000
452	21810820121	LƯU NGỌC	THẢO	15/08/2003	D16TCDN1	742.500
453	21810710007	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	26/10/2003	D16QTDN1	1.485.000
454	21810820124	ĐẶNG MẠNH	QUÂN	12/06/2003	D16NGANHANG1	3.217.500
455	21810860221	NGUYỄN TRUNG	ANH	22/03/2003	D16KDTMTT1	990.000
456	21810310008	HOÀNG HẢI	NAM	29/12/2003	D16CNPM1	1.770.000
457	21810410008	NGUYỄN HUY	HÙNG	07/11/2003	D16THDK&TDH1	1.180.000
458	21810820126	LÊ DIỆU	LINH	26/04/2003	D16TCDN1	1.485.000
459	21810510008	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	28/06/2003	D16DTRB	885.000
460	21810630001	ĐÀO XUÂN	DOANH	13/03/2003	D16XDCTD	1.180.000
461	21810510009	TRẦN QUỐC	ANH	25/02/2003	D16DT&KTMT2	590.000
462	21810620008	TRẦN TRỌNG	HẢI	08/09/2003	D16CODT1	2.655.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
463	21810410019	LÊ ĐÌNH	THÁI	15/09/2003	D16TDH&DKTBCN2	885.000
464	21810630002	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	08/12/2003	D16QLDA&CTXD	3.540.000
465	21819110011	PHẠM VĂN	ĐỨC	02/04/2003	D16DIENLANH1	1.180.000
466	21810310025	TRẦN BẢO	QUÂN	26/09/2003	D16CNPM1	1.475.000
467	21810710023	ĐÀO HOÀNG	ANH	17/08/2003	D16QTDN1	1.980.000
468	21810610012	NGUYỄN MẠNH	HIẾU	16/06/2003	D16CKOTO3	1.770.000
469	21810820135	BÙI HẢI	QUÂN	02/10/2003	D16TCDN1	1.485.000
470	21810820136	NGUYỄN THỊ THẢO	LINH	28/07/2003	D16TCDN1	742.500
471	21810510013	VŨ MINH	QUANG	10/07/2003	D16DTVT1	2.360.000
472	21810310034	NGUYỄN CÔNG	HUY	07/12/2003	D16TTNT&TGMT	2.655.000
473	21810110017	ĐÌNH BẢO	KHÔI	08/12/2003	D16H1	295.000
474	21810820142	NGUYỄN ĐỖ THU	HƯƠNG	09/03/2003	D16TCDN1	2.970.000
475	21810810024	ĐỖ HÀ	PHƯƠNG	23/02/2003	D16KTDN1	990.000
476	21810630005	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	09/03/2003	D16XDDD&CN	2.950.000
477	21810820143	NGUYỄN BÁ SƠN	TÙNG	31/08/2003	D16TCDN1	4.702.500
478	21810820144	NGUYỄN THÙY	LINH	16/12/2003	D16TCDN1	742.500
479	21810510022	NGUYỄN HẢI	NAM	10/04/2003	D16DT&KTMT1	1.770.000
480	21810610020	NGUYỄN NHƯ	ANH	25/05/2003	D16CKCTM	590.000
481	21810510023	NGÔ ĐỨC	HẢI	12/12/2003	D16DTVT1	5.820.000
482	21810110021	NGUYỄN HỮU	QUÂN	28/10/2003	D16DCN&DD1	1.180.000
483	21810220004	LỤC ĐỨC	ANH	18/03/2003	D16QLDT&KH	5.445.000
484	21819110020	HOÀNG HẢI	ANH	29/04/2003	D16NHIETDIEN	590.000
485	21810610023	ĐẶNG VĂN	HOÀNG	01/06/2003	D16CKOTO1	590.000
486	21810620020	NGUYỄN VĂN	THÀNH	26/08/2003	D16CODT1	885.000
487	21810110024	NGUYỄN THANH	TRIỀU	08/12/2003	D16DCN&DD2	590.000
488	21810620022	NGUYỄN VĂN	TÙNG	20/01/2003	D16CODT1	5.605.000
489	21810850204	PHẠM TÙNG	DƯƠNG	17/11/2003	D16KIEMTOAN	4.455.000
490	21810410056	HÀ THÁI	VƯƠNG	30/04/2003	D16TDH&DKTBCN1	885.000
491	21810410059	NGUYỄN MINH	HIẾU	16/11/2003	D16CNKTDK1	2.360.000
492	21810410061	ĐẶNG NGỌC	SƠN	15/03/2003	D16THDK&TDH1	885.000
493	21810630009	TRẦN VĨNH	HÙNG	06/09/2003	D16XDDD&CN	590.000
494	21810510025	VŨ NGUYỄN QUỐC	AN	02/07/2003	D16DTVT1	4.130.000
495	21810630010	PHẠM QUỐC	ĐẠT	09/06/2003	D16QLDA&CTXD	2.360.000
496	21810110027	NGUYỄN ĐỨC	TRƯỜNG	08/04/2003	D16TDHHTD1	590.000
497	21810810035	HOÀNG QUANG	HÙNG	05/02/2003	D16KTDN1	2.475.000
498	21810630012	NGUYỄN BÁ	PHƯƠNG	19/09/2003	D16XDDD&CN	1.770.000
499	21810410063	NGUYỄN HỮU HUY	HOÀNG	03/04/2003	D16TDH&DKTBCN1	1.180.000
500	21810410064	NGUYỄN CÔNG	DANH	18/05/2003	D16TDH&DKTBCN1	885.000
501	21810610027	TRẦN TUẤN	ĐẠT	01/04/2003	D16CNCTTBD	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
502	21810620029	TRẦN ĐỨC	QUANG	27/02/2003	D16CODT1	1.770.000
503	21810630015	HOÀNG ANH	QUỐC	23/07/2003	D16QLDA&CTXD	3.540.000
504	21810510028	NGUYỄN DUY	QUANG	24/05/2003	D16DTVT1	3.540.000
505	21810110035	NGUYỄN DUY	TÙNG	15/07/2003	D16H1	590.000
506	21810310067	NGUYỄN HỮU	TIẾN	28/02/2003	D16CNPM1	5.900.000
507	21810630016	ĐẶNG VĂN	CHÍNH	25/06/2003	D16XDDD&CN	590.000
508	21810510035	TẠ TUẤN	TÚ	26/07/2003	D16DT&KTMT1	885.000
509	21810310072	LƯƠNG TRUNG	KIẾN	30/09/2003	D16CNPM2	885.000
510	21810710064	NGUYỄN QUỲNH	CHI	31/03/2003	D16QTDN1	2.475.000
511	21810310077	LÊ THẾ	VIỆT	23/05/2003	D16CNPM2	1.180.000
512	21810610034	LÃ NGỌC	TRUNG	31/07/2003	D16CKCTM	590.000
513	21810230024	NGUYỄN QUÝ	TÚ	16/03/2003	D16LOGISTICS1	1.770.000
514	21810110055	NGUYỄN DUY	SƠN	13/01/2003	D16DCN&DD1	1.180.000
515	21810510037	ĐÌNH NGỌC	ÁNH	13/12/2003	D16DTVT1	5.310.000
516	21810820161	HOÀNG THỊ BÍCH	HÀNG	15/02/2003	D16TCDN1	742.500
517	21810110063	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	10/06/2003	D16TDHHTD1	1.770.000
518	21810810058	NGUYỄN NGỌC LINH	CHI	20/03/2003	D16KT&KS	1.732.500
519	21810410096	NGUYỄN VĂN	TOÀN	18/07/2003	D16TDH&DKTBCN2	840.000
520	21810110066	TRỊNH TRỌNG	THÁI	03/09/2003	D16DCN&DD1	1.180.000
521	21810110067	TRẦN THẾ	ANH	16/11/2003	D16DCN&DD1	1.770.000
522	21810310091	NGÔ QUANG	HUY	26/12/2003	D16CNPM2	1.475.000
523	21810110075	PHẠM ĐỨC	HOÀNG	17/04/2003	D16H1	4.540.000
524	21810610040	NGUYỄN THANH	TÙNG	10/03/2003	D16CKOTO2	1.770.000
525	21810110076	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	08/09/2003	D16TDHHTD1	590.000
526	21810110079	ĐÌNH QUỐC	CHÍNH	14/08/2003	D16TDHHTD1	590.000
527	21810610043	VŨ ĐỨC	DUY	07/07/2003	D16CKOTO2	1.770.000
528	21810610048	PHAN TRỌNG	NHÂN	22/01/2003	D16CKOTO2	1.770.000
529	21810510048	NGUYỄN NGỌC	QUYÊN	25/09/2003	D16DTVT1	3.540.000
530	21810110088	TRỊNH NGỌC LINH	CHI	30/11/2003	D16H1	590.000
531	21810110092	PHÙNG MINH	ĐẠT	12/04/2003	D16H1	590.000
532	21810110093	LÝ BẢO	NAM	22/10/2000	D16H1	590.000
533	21810110095	PHẠM VĂN	TÌNH	03/02/2003	D16H1	590.000
534	21810610056	NGUYỄN LÊ HÀ	ANH	01/11/2003	D16CKOTO2	3.540.000
535	21810410102	PHẠM VĂN	QUY	14/07/2003	D16THDK&TDH1	1.770.000
536	21810110107	CHỬ KHÁNH	AN	09/04/2003	D16H1	590.000
537	21819110031	TẠ QUANG	ĐẠI	08/04/2003	D16NHIETDIEN	1.770.000
538	21810110114	HOÀNG	HÙNG	05/08/2003	D16TDHHTD1	590.000
539	21810620043	TRẦN TẤN	PHONG	26/07/2003	D16CODT2	885.000
540	21810990263	NGUYỄN THÀNH	VINH	17/01/2003	D16QLMTCN	495.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
541	21810410113	VŨ MINH	ĐỨC	13/11/2003	D16TDH&DKTBCN2	1.180.000
542	21810410115	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	27/07/2003	D16THDK&TDH1	1.770.000
543	21810310115	DƯƠNG QUỐC	KHÁNH	13/09/2003	D16HTTMDT	590.000
544	21810310118	PHẠM DUY PHÚC	NGUYỄN	07/04/2003	D16CNPM4	2.655.000
545	21810620047	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	06/11/2003	D16CODT2	1.770.000
546	21810620048	NGUYỄN ĐĂNG	NAM	31/03/2003	D16CODT2	885.000
547	21810620049	MAI GIANG	NAM	02/12/2003	D16CODT2	1.770.000
548	21810810069	KIỀU	MY	14/12/2003	D16KTDN1	495.000
549	21810720015	PHẠM ANH	QUÂN	30/12/2003	D16QTDVDL&LH2	2.227.500
550	21810710093	ĐẶNG ĐÌNH	KHÁNH	31/08/2003	D16QTDN2	4.270.000
551	21810620050	LƯU ĐỖ XUÂN	VŨ	30/03/2003	D16CODT2	1.180.000
552	21810810071	PHAN THỊ KHÁNH	LY	03/01/2003	D16KTDN2	4.207.500
553	21810410123	ĐỖ MINH	DŨNG	08/10/2003	D16TDH&DKTBCN2	2.950.000
554	21810310139	CHU ĐÌNH	QUÝ	15/07/2003	D16CNPM5	1.770.000
555	21810310140	BÙI ĐỨC	MẠNH	04/10/2003	D16HTTMDT	885.000
556	21810410125	NGUYỄN VĂN	MINH	01/02/2003	D16THDK&TDH1	590.000
557	21810110136	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	01/04/2003	D16H2	295.000
558	21810410128	VŨ THẾ	DUY	24/04/2003	D16CNKTDK1	590.000
559	21810510058	NGUYỄN QUANG	HIẾU	25/08/2003	D16MVT&MT	1.180.000
560	21810410132	PHẠM ĐỨC	TOÀN	05/01/2003	D16TDH&DKTBCN2	1.770.000
561	21810510060	NGUYỄN THẾ	DŨNG	29/11/2003	D16DT&KTMT1	1.770.000
562	21810110149	TRẦN TIẾN	AN	15/11/2003	D16H2	1.180.000
563	21810710106	ĐÌNH TRỌNG	HIẾU	08/07/2003	D16QTDN3	8.415.000
564	21810410135	NGUYỄN TUẤN	HUY	18/02/2003	D16TDH&DKTBCN2	885.000
565	21810410136	ĐỒNG QUANG	ĐẠT	05/08/2003	D16TDH&DKTBCN2	1.770.000
566	21810410137	DOÃN CHU NHẬT	ÁNH	18/01/2003	D16THDK&TDH1	885.000
567	21810620057	LÊ VĂN	VŨ	28/04/2003	D16CODT2	2.360.000
568	21810810084	NGUYỄN TÓNG HUYỀN	TRANG	04/09/2003	D16KTDN2	2.227.500
569	21810610069	LÃ THÀNH	PHONG	19/03/2003	D16CKOTO1	1.770.000
570	21810510067	NINH ĐẠI	HOÀNG	22/08/2003	D16DT&KTMT1	2.950.000
571	21810710120	PHAN THÀNH	ĐẠT	28/12/2003	D16QTDN3	990.000
572	21810710121	TRẦN QUANG	DUY	26/10/2003	D16QTDN3	1.485.000
573	21810510072	NGUYỄN NGỌC	ĐẠI	19/07/2003	D16TBDTYT	1.770.000
574	21810310160	VƯƠNG NGUYỄN	HUÂN	22/12/2003	D16TTNT&TGMT	2.280.000
575	21810310161	VŨ TUẤN	LINH	27/02/2003	D16CNPM5	1.770.000
576	21810410143	LÝ XUÂN	KIÊN	26/11/2003	D16TDH&DKTBCN1	590.000
577	21810110169	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	27/02/2003	D16H3	1.180.000
578	21810110172	PHẠM QUÝ	HUÂN	25/08/2003	D16DCN&DD2	590.000
579	21810710134	LÊ KHẮC ĐỨC	ANH	07/11/2003	D16QTDN4	1.980.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
580	21810710136	DƯƠNG PHƯƠNG	LINH	30/11/2003	D16QTDN4	495.000
581	21810510075	ĐINH QUỐC	CƯỜNG	31/12/2003	D16DT&KTMT1	3.540.000
582	21810610076	ĐẶNG MINH	TUYÊN	03/10/2003	D16CKOTO1	1.770.000
583	21810510078	TRẦN ĐÌNH	DŨNG	25/03/2003	D16DT&KTMT1	1.770.000
584	21810410146	ĐÀO BẢO	QUỐC	02/11/2003	D16TDH&DKTBCN2	885.000
585	21810510080	VŨ MẠNH	TUẤN	03/11/2003	D16MVT&MT	885.000
586	21810630024	NGUYỄN ĐỨC	VŨ	26/07/2003	D16QLDA&CTXD	590.000
587	21810710139	LÊ THỊ	THẢO	14/10/2003	D16QTDN4	1.485.000
588	21810620063	VŨ THỊ HƯƠNG	GIANG	04/06/2003	D16CODT2	885.000
589	21810710140	TRẦN THU	PHƯƠNG	31/07/2003	D16QTDN4	1.485.000
590	21810610077	LÃ VĂN	TUẤN	01/03/2003	D16CKOTO1	3.165.000
591	21810620064	CHU BÁ	TUẤN	28/10/2003	D16CODT2	590.000
592	21810510083	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	25/01/2003	D16DT&KTMT1	1.180.000
593	21810220012	CHU TIỂU	HOA	10/06/2001	D16QLSX&TN	590.000
594	21810620066	NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	25/08/2002	D16CODT2	590.000
595	21810810094	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	14/03/2003	D16KTDN3	2.227.500
596	21810310175	PHẠM THANH	HẢI	28/02/2003	D16CNPM6	3.540.000
597	21810410158	NGUYỄN HUY	TÙNG	24/11/2003	D16THDK&TDH1	590.000
598	21810820182	ĐÀM VĂN	ĐỨC	20/01/2003	D16NGANHANG1	2.227.500
599	21810710150	NGUYỄN KHOA	VŨ	07/06/2003	D16QTDN4	990.000
600	21810810104	NGUYỄN AN	HUY	25/07/2003	D16KTDN3	495.000
601	21810310181	LÝ BÁCH	LINH	02/04/2003	D16CNPM6	1.863.000
602	21810110199	DOÃN QUỐC	HOÀN	14/12/2003	D16H3	2.655.000
603	21810610085	TRẦN ĐỨC	ANH	28/01/2003	D16CKOTO1	1.770.000
604	21810710155	ĐINH QUANG	HUY	21/07/2003	D16QTDN4	4.455.000
605	21810410173	NGUYỄN HỮU	THÔNG	06/08/2003	D16THDK&TDH1	590.000
606	21810310189	PHẠM NGHĨA	VINH	06/07/2003	D16CNPM7	1.770.000
607	21810410177	CHU BÁ	LÂN	22/12/2003	D16TDH&DKTBCN3	590.000
608	21810230069	NGUYỄN HƯƠNG	LY	13/08/2003	D16LOGISTICS2	4.492.500
609	21810620080	NGUYỄN VĂN	LONG	24/11/2003	D16CODT3	590.000
610	21810110208	VŨ ĐỨC	MINH	23/11/2003	D16H3	590.000
611	21810610092	NGUYỄN NHƯ TÔ	HOÀI	14/01/2003	D16CKCTM	590.000
612	21819110052	PHẠM DUY	ĐẠT	06/09/2003	D16DIENLANH2	590.000
613	21810610093	LÊ ĐỨC	MINH	06/08/2003	D16CKOTO2	1.770.000
614	21810110213	NGUYỄN LÊ	THÔNG	26/04/2003	D16H3	590.000
615	21810430364	TỔNG CÔNG	NGỌC	29/09/2003	D16TDH&DKTBCN3	885.000
616	21810430365	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	14/07/2003	D16TDH&DKTBCN3	1.180.000
617	21810840082	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	14/02/2003	D16NGANHANG1	1.485.000
618	21810620378	NGUYỄN ĐỨC	HÀ	11/04/2003	D16CODT3	885.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
619	21810670286	NGUYỄN VĂN	THẮNG	17/09/2003	D16CODCT	2.360.000
620	21810610373	NGUYỄN ĐỨC	CẢNH	20/07/2003	D16CKCTM	590.000
621	21810310343	PHẠM QUANG	TRIỆU	29/10/2003	D16CNPM7	590.000
622	21810610374	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	27/02/2003	D16CKCTM	590.000
623	21810680375	NGUYỄN QUANG	HUY	28/02/2003	D16CKOTO2	1.770.000
624	21810340350	BÙI QUỐC	KHÁNH	02/09/2003	D16HTTMDT	2.360.000
625	21810810123	ĐÌNH THU	THẢO	16/10/2003	D16KTDN2	990.000
626	21810820089	PHẠM ĐÌNH	PHÚ	07/12/2003	D16TCDN1	1.485.000
627	21810430375	PHẠM TUẤN	ĐỒNG	09/05/2003	D16TDH&DKTBCN3	885.000
628	21810430376	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	16/09/2003	D16TDH&DKTBCN3	885.000
629	21810670288	ĐỖ TUẤN	ĐẠT	02/08/2003	D16QLDA&CTXD	1.180.000
630	21810180230	VŨ NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	10/11/2003	D16DCN&DD1	295.000
631	21810660380	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	05/06/2003	D16CNCTTBD	1.770.000
632	21810570376	LÊ VIỆT	HOÀNG	05/11/2003	D16MVT&MT	2.065.000
633	21810430380	NGUYỄN VIỆT	ANH	06/10/2003	D16TDH&DKTBCN3	590.000
634	21810720180	NGUYỄN THANH	THẢO	24/03/2003	D16QTDN1	742.500
635	21810520380	LÊ MINH	QUÂN	18/11/2002	D16KTDT	3.540.000
636	21810540381	NGUYỄN ANH	TUẤN	07/07/2003	D16DT&KTMT1	2.655.000
637	21810180237	ĐOÀN KHẢ	DUY	19/07/2003	D16QTDVDL&LH1	2.475.000
638	21810170242	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	02/11/2003	D16TDHHTD1	1.475.000
639	21810170243	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	01/04/2003	D16TDHHTD1	590.000
640	21810430384	HOÀNG ANH	VIỆT	28/08/2003	D16TDH&DKTBCN1	885.000
641	21810310359	LƯU ĐÌNH	HƯNG	22/12/2003	D16CNPM2	1.180.000
642	21810350360	TRẦN ĐỨC	ANH	07/12/2003	D16TTNT&TGMT	590.000
643	21810310361	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	27/12/2003	D16CNPM2	1.770.000
644	21810810130	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	20/07/2002	D16KTDN2	990.000
645	21810820194	BÙI VIỆT	HÙNG	09/11/2003	D16TCDN1	5.940.000
646	21810840195	NGUYỄN NGỌC	ANH	02/02/2003	D16NGANHANG1	1.485.000
647	21810860370	TẠ QUANG	TRUNG	20/09/2003	D16KDTMTT1	990.000
648	21810510384	ĐỖ KHÁNH	LY	07/11/2003	D16DTVT1	5.310.000
649	21810620391	LÊ NGỌC	TÙNG	09/12/2002	D16CODT1	590.000
650	21810430395	TRẦN KHẮC	THÀNH	20/01/2003	D16TDH&DKTBCN1	885.000
651	21810310369	NGUYỄN MINH	TIẾN	20/09/2003	D16CNPM2	7.330.000
652	21810170246	TRIỆU PHÚC	HIỆP	02/12/2003	D16TDHHTD1	2.020.000
653	21810710194	MAI HOÀNG	NHẬT	14/06/2003	D16QTDN2	2.227.500
654	21810180248	PHẠM ĐỨC	HÀ	01/11/2003	D16DCN&DD1	1.180.000
655	21810710195	TỔNG THANH	TRÀ	13/08/2002	D16QTDN2	4.590.000
656	21810510389	LŨ QUANG	NHẬT	01/03/2003	D16DTVT1	1.770.000
657	21810410402	TRẦN NHẬT	ANH	08/03/2003	D16CNKTDK1	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
658	21810830141	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	16/10/2003	D16KT&KS	990.000
659	21810180253	HOÀNG THỊ HỒNG	HẠNH	06/10/2003	D16H3	420.000
660	21810230380	NGUYỄN QUANG	DƯƠNG	24/12/2003	D16LOGISTICS1	885.000
661	21810310379	ĐOÀN THÁI	DƯƠNG	20/02/2003	D16CNPM2	4.640.000
662	21810710202	PHAN KẾ	DƯƠNG	05/02/2003	D16QTDN2	742.500
663	21810620398	CAO HOÀNG	TÙNG	23/01/2003	D16CODT1	1.475.000
664	21810810149	MAI NGỌC	NAM	08/06/2003	D16KTDN2	1.295.000
665	21810430411	PHAN THẾ	HUY	22/03/2003	D16TDH&DKTBCN2	1.770.000
666	21810820208	PHAN MỸ	NHI	03/12/2003	D16TCDN2	3.217.500
667	21810000375	VŨ HỒNG	SƠN	22/04/2003	D16QTDVDL&LH1	1.485.000
668	21810440413	QUÁCH TRỌNG	TIỀN	20/10/2003	D16THDK&TDH1	2.655.000
669	21810310383	ĐINH VĂN	THÀNH	07/01/2003	D16CNPM2	885.000
670	21810310388	VŨ THẾ	PHONG	30/08/2003	D16CNPM2	1.180.000
671	21810170273	NGUYỄN ĐỨC	KHIÊM	31/03/2003	D16TDHHTD1	590.000
672	21810110274	HOÀNG XUÂN	TÙNG	17/12/2003	D16H2	3.540.000
673	21810560399	TRƯƠNG TÙNG	LÂM	14/10/2003	D16HTTM&IOT	1.180.000
674	21810170276	PHẠM MINH	DŨNG	22/02/2003	D16TDHHTD1	590.000
675	21810110277	ĐINH HOÀNG	DƯƠNG	17/12/2003	D16H2	2.360.000
676	21810640295	ĐINH TRUNG	KIÊN	03/06/2003	D16QLDA&CTXD	3.540.000
677	21810110294	PHẠM ĐỨC	TÀI	15/09/2003	D16H2	590.000
678	21810320402	TRỊNH VĂN	KHÁNH	18/08/2003	D16QTANM	1.770.000
679	21810310403	NGUYỄN HUY	HOÀNG	28/03/2003	D16CNPM2	885.000
680	21810310410	NGUYỄN HUY	ANH	30/03/2003	D16CNPM3	10.620.000
681	21810310411	ĐINH LÂN	DŨNG	23/01/2003	D16CNPM3	5.310.000
682	21810340414	TRẦN THẾ	KHẢI	30/10/2003	D16HTTMDT	2.655.000
683	21810260021	NGUYỄN NGỌC	MINH	17/05/2003	D16TTDIEN	2.512.500
684	21810620407	VŨ QUỐC	HUY	10/02/2003	D16CODT2	590.000
685	21810620408	ĐINH VIỆT	HOÀNG	29/11/2003	D16CODT2	3.540.000
686	21810710228	NGUYỄN NGỌC	SƠN	07/09/2003	D16QTDN3	1.485.000
687	21810410435	ĐINH QUỐC	ANH	30/05/2003	D16CNKTDK1	590.000
688	21810170312	NGUYỄN NGỌC	SƠN	08/02/2003	D16TDHHTD2	590.000
689	21810540412	QUÁCH PHAN	ANH	18/04/2003	D16DT&KTMT1	1.770.000
690	21810640299	LÊ TRUNG	HIẾU	25/01/2003	D16QLDA&CTXD	6.195.000
691	21810540415	NGUYỄN CẢNH	ĐẠT	29/08/2003	D16DT&KTMT1	3.835.000
692	21810180327	TRẦN ANH	TUẤN	13/02/2003	D16H2	885.000
693	21810630300	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	26/11/2003	D16XDCTD	2.950.000
694	21810430443	PHẠM NGỌC	THẠCH	03/01/2003	D16TDH&DKTBCN3	885.000
695	21810170345	LÊ DUY	ANH	26/08/2003	D16TDHHTD2	590.000
696	21810510423	NGHIÊM PHÚC	CHÍNH	08/09/2003	D16DTVT2	1.180.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
697	21810430450	TRẦN VĂN	TOÀN	25/12/2003	D16TDH&DKTBCN3	885.000
698	21810410451	VŨ VĂN	THANH	07/07/2003	D16TDH&DKTBCN5	1.180.000
699	21810430452	VŨ MINH	HIỆU	15/08/2003	D16TDH&DKTBCN3	3.200.000
700	21810430453	NGUYỄN VIỆT	HẢI	15/03/2003	D16TDH&DKTBCN3	1.180.000
701	21810310431	LƯƠNG HOÀNG BẢO	MINH	18/01/2003	D16CNPM3	6.705.000
702	21810340433	NGUYỄN DUY	PHÚ	06/09/2003	D16HTTMDT	885.000
703	21810310434	LÊ HỒNG	QUANG	21/01/2003	D16CNPM3	2.360.000
704	21810310436	PHẠM HẢI	PHÚC	26/12/2003	D16CNPM3	590.000
705	21810350440	CẦN ĐÌNH HUY	HOÀNG	20/10/2003	D16TTNT&TGMT	4.640.000
706	21810310441	NGUYỄN QUANG	HÙNG	16/09/2003	D16QTANM	590.000
707	21810430456	LÊ QUANG	PHONG	15/08/2003	D16TDH&DKTBCN3	1.770.000
708	21810850379	QUÁCH DUY	HÙNG	16/06/2003	D16KIEMTOAN	1.485.000
709	21810000024	PHẠM MINH	TUẤN	19/06/2003	D16QLNLTN	590.000
710	21810270025	NGUYỄN KHÁNH	LINH	26/09/2003	D16KTNL	2.075.000
711	21810710244	LÊ MINH	ĐỨC	24/10/2002	D16QTDN3	1.980.000
712	21810310450	TẠ QUANG	HUY	28/10/2003	D16CNPM4	2.360.000
713	21810440463	NGUYỄN GIA	HÙNG	14/11/2003	D16THDK&TDH2	1.180.000
714	21810440464	VŨ MINH	HIỆU	24/03/2003	D16THDK&TDH2	885.000
715	21810410467	NGUYỄN ANH	TIẾN	31/03/2003	D16CNKTDK1	590.000
716	21810310451	PHẠM VĂN	HIỀN	15/03/2003	D16CNPM4	2.360.000
717	21810440470	TRẦN ĐỨC	HUY	08/05/2003	D16THDK&TDH2	1.770.000
718	21810170350	NGUYỄN THÀNH	LONG	15/05/2003	D16TDHHTD2	1.180.000
719	21810850381	NGUYỄN ĐỨC	MINH	29/05/2003	D16KIEMTOAN	990.000
720	21810410472	NGUYỄN NGỌC	ANH	10/06/2003	D16TDH&DKTBCN5	295.000
721	21810430473	NGUYỄN CAO	DƯƠNG	08/04/2003	D16TDH&DKTBCN3	590.000
722	21810820226	ĐẶNG PHƯƠNG	ANH	04/06/2003	D16TCDN2	4.455.000
723	21819150368	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	17/02/2003	D16NLTT	2.360.000
724	21810610413	HOÀNG HẢI	DƯƠNG	08/07/2003	D16CKCTM	590.000
725	21810430480	NGUYỄN ĐÌNH	CƯỜNG	06/12/2003	D16TDH&DKTBCN3	885.000
726	21810260029	LÊ THỊ HÀ	PHƯƠNG	08/03/2003	D16TTDIEN	742.500
727	21810720266	TRẦN HUY	NGHĨA	11/08/2003	D16QTDLKS	213.090
728	21810840229	VŨ KHẮC	HUY	26/05/2003	D16NGANHANG2	2.227.500
729	21810310456	NGUYỄN VĂN	ĐẠO	19/10/2003	D16CNPM4	1.770.000
730	21819120145	NGUYỄN TRUNG	SƠN	15/12/2003	D16DIENLANH1	590.000
731	21810260030	NGUYỄN MAI	LINH	25/12/2003	D16TTDIEN	742.500
732	21810680417	TRƯƠNG ĐĂNG	ĐÔ	21/01/2003	D16CKOTO1	3.165.000
733	21810230404	TRẦN LINH	CHI	18/12/2003	D16LOGISTICS2	990.000
734	21810170362	NGUYỄN TUẤN	ANH	15/01/2003	D16TDHHTD2	590.000
735	21810230405	NGUYỄN NHẬT	MINH	09/10/2003	D16LOGISTICS2	1.980.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
736	21810710269	NGÔ VĂN	HIẾU	01/11/2003	D16QTDN4	3.165.000
737	21810340461	NGUYỄN ĐỨC	NAM	04/04/2003	D16HTTMDT	885.000
738	21810660418	VŨ ĐÌNH	ĐẠT	06/04/2003	D16CNCTTBD	590.000
739	21810620434	NGUYỄN VIỆT	NHÂM	29/03/2002	D16CODT3	4.425.000
740	21810670304	PHẠM QUỐC	TRÌNH	07/07/2003	D16CODCT	1.770.000
741	21810620436	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	29/01/2003	D16CODT3	1.770.000
742	21810440489	HOÀNG QUỐC	CHÍNH	13/12/2003	D16THDK&TDH2	1.180.000
743	21810620438	PHẠM HOÀNG	GIANG	08/06/2003	D16CODT3	885.000
744	21810620439	TRỊNH VIỆT	ANH	15/10/2003	D16CODT3	590.000
745	21810110370	HOÀNG ĐỨC	DƯƠNG	04/09/2003	D16H3	590.000
746	21810440495	KHUẤT ANH	NGHĨA	19/10/2003	D16THDK&TDH2	1.180.000
747	21810310484	PHẠM VĂN	HÙNG	06/08/2003	D16CNPM4	1.395.000
748	21810430496	THÂN VĂN	NAM	05/07/2003	D16TDH&DKTBCN4	885.000
749	21810110373	TRẦN NGUYỄN	VIỆT	22/11/2003	D16H3	1.475.000
750	21810310485	NGUYỄN VIỆT	ANH	31/01/2003	D16CNPM4	885.000
751	21810310486	NGUYỄN DUY	NAM	26/07/2003	D16CNPM4	1.770.000
752	21810310489	TRẦN THẾ	DUYỆT	31/10/2003	D16CNPM4	590.000
753	21810710284	VÕ TUẤN	MINH	21/06/2003	D16QTDN5	742.500
754	21810560444	ĐÌNH PHƯƠNG	HIẾU	10/03/2003	D16HTTM&IOT	885.000
755	21810320491	ĐỖ NGỌC	DUY	29/04/2003	D16QTANM	7.080.000
756	21810540445	HOÀNG TIẾN	ĐẠT	26/01/2003	D16DT&KTMT2	885.000
757	21810180381	NGÔ ĐỨC	KHƯƠNG	04/05/1999	D16DCN&DD2	1.180.000
758	21810270034	PHƯƠNG MẠNH	HÙNG	15/04/2003	D16KTNL	742.500
759	21810620443	NGUYỄN VĂN	HIỀN	23/12/2003	D16CODT3	885.000
760	21810410503	NGUYỄN ANH	VŨ	13/10/2003	D16TDH&DKTBCN3	2.950.000
761	21810410507	NGUYỄN ANH	TUẤN	28/01/2003	D16CNKTDK2	590.000
762	21810110386	VŨ BÙI XUÂN	BÁCH	09/01/2003	D16H3	885.000
763	21810810209	VŨ BÙI THU	GIANG	21/01/2003	D16KTDN4	3.712.500
764	21810310507	NGUYỄN VŨ TRƯỜNG	GIANG	26/02/2003	D16CNPM5	590.000
765	21810710294	ĐÀO XUÂN	DƯƠNG	10/03/2003	D16QTDN5	742.500
766	21810000395	PHẠM TRUNG	HIẾU	30/11/2003	D16QTDVDL&LH1	645.000
767	21810110392	NGUYỄN HUY	HOÀNG	31/07/2003	D16H3	3.835.000
768	21810620444	TRẦN HỒNG	CHUYÊN	15/12/2003	D16CODT3	4.425.000
769	21810270037	ĐỖ TÚ	QUỲNH	28/01/2003	D16KTNL	590.000
770	21810110394	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	28/10/2003	D16H3	590.000
771	21810410518	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	04/11/2003	D16CNKTDK2	1.180.000
772	21810340513	ĐỖ QUANG	HUẤN	19/09/2003	D16CNPM2	885.000
773	21810820241	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	10/06/2003	D16TCDN2	1.942.500
774	21810540462	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỨC	13/11/2003	D16DT&KTMT2	885.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
775	21810820244	NGÔ GIA KỲ	AN	19/12/2003	D16TCDN2	2.745.000
776	21810820246	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	KHANG	18/10/2003	D16TCDN2	990.000
777	21810110411	LÊ ANH	TÚ	14/09/2003	D16H3	1.180.000
778	21810510465	ĐINH VĂN ANH	ĐỨC	26/04/2003	D16DTVT2	4.425.000
779	21810710314	ĐỖ MINH	NGUYỆT	22/10/2003	D16QTDN5	495.000
780	21810610434	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	03/10/2003	D16CKCTM	590.000
781	21810680435	BÙI MINH	ĐỨC	02/11/2003	D16CKOTO2	1.770.000
782	21810110417	PHAN ANH	ĐỨC	11/07/2003	D16H3	590.000
783	21810110423	ĐOÀN TRỌNG	HIẾU	27/11/2003	D16H3	1.180.000
784	21810620456	LÊ QUỐC	THẮNG	31/05/2003	D16CODT3	885.000
785	21810620457	HOÀNG TUẤN	ANH	30/04/2003	D16CODT3	885.000
786	21810310527	PHẠM NGỌC BẢO	MINH	01/02/2003	D16CNPM5	1.180.000
787	21810310528	NGUYỄN VĂN	HIẾU	04/06/2003	D16CNPM5	885.000
788	21819120153	ĐÀO HUY	TÙNG	28/09/2003	D16DIENLANH1	590.000
789	21810620461	VŨ TRÍ ĐỨC	ANH	07/06/2003	D16CODT3	1.180.000
790	21810310533	SỸ DANH	KIỆT	25/05/2003	D16CNPM5	1.180.000
791	21810410548	TRẦN TUẤN	ANH	29/06/2003	D16CNKTDK2	1.180.000
792	21810620465	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	10/04/2003	D16CODT3	3.245.000
793	21810170427	ĐINH HẢI	LINH	25/04/2003	D16TDHHTD3	885.000
794	21810630312	ĐẶNG ĐỨC	CÔNG	27/09/2003	D16XDCTD	2.950.000
795	21810310537	VŨ ĐĂNG	TÙNG	16/02/2003	D16CNPM5	295.000
796	21810230436	TRẦN VĂN	ĐẠT	20/05/2003	D16QLSX&TN	590.000
797	21810840260	LÊ HUY	HOÀNG	31/07/2003	D16NGANHANG2	4.878.090
798	21810310540	TRẦN TRUNG	KIÊN	01/02/2003	D16CNPM5	2.950.000
799	21810860417	NGUYỄN QUỲNH	HOA	13/04/2003	D16KDTMTT2	990.000
800	21810830245	NGUYỄN NGỌC	MINH	10/10/2003	D16KT&KS	1.732.500
801	21810430560	VŨ QUÝ	DƯƠNG	01/07/2003	D16TDH&DKTBCN4	885.000
802	21819120155	PHẠM MINH	HIẾU	16/10/2003	D16DIENLANH1	2.360.000
803	21810540474	MAI ĐỨC	DŨNG	16/11/2003	D16DT&KTMT2	885.000
804	21810430566	CÙ TRUNG	LỘC	26/02/2003	D16TDH&DKTBCN4	1.180.000
805	21810640316	SÀN XE	XÁ	08/08/2003	D16QLDA&CTXD	590.000
806	21819120156	NGUYỄN VĂN	TRIỂN	17/08/2003	D16DIENLANH1	1.180.000
807	21810640318	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	02/07/2003	D16CODCT	2.950.000
808	21810510476	DƯƠNG VĂN	TUẤN	27/03/2003	D16DT&KTMT2	1.180.000
809	21810670319	LÊ VẠN	NGHĨA	15/01/2003	D16CODCT	3.835.000
810	21810680443	TRẦN ĐÌNH	AN	06/09/2003	D16CKOTO2	1.770.000
811	21810430582	HÀ ANH	TUẤN	31/08/2003	D16TDH&DKTBCN4	1.180.000
812	21810440585	HÀ ANH	DŨNG	22/05/2003	D16THDK&TDH2	590.000
813	21819110160	PHẠM HÙNG	SƠN	22/08/2003	D16NHIEDIEN	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
814	21810270039	NGUYỄN TRẦN TÙNG	LÂM	25/10/2003	D16KTNL	742.500
815	21810670321	NGUYỄN VĂN	KHANH	02/12/2003	D16QLDA&CTXD	1.180.000
816	21810230446	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	24/11/2003	D16QLSX&TN	590.000
817	21810710339	LƯU PHƯƠNG	THẢO	21/01/2003	D16QTDLKS	1.485.000
818	21810620479	ĐỖ MINH	SANG	19/01/2003	D16CODT4	1.770.000
819	21810640324	TRƯƠNG MINH	ĐỒNG	12/12/2002	D16QLDA&CTXD	590.000
820	21819120163	PHÙNG	HƯNG	25/01/2001	D16DIENLANH2	590.000
821	21819150376	LÊ DANH	SỸ	07/02/2003	D16NLTT	4.130.000
822	21810430605	NGUYỄN NGỌC	HUY	19/01/2003	D16TDH&DKTBCN5	885.000
823	21810850403	TRẦN VŨ NGỌC	MAI	16/05/2003	D16KIEMTOAN	990.000
824	21810710356	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	27/02/2003	D16QTDN6	990.000
825	21810430615	NGUYỄN VĂN	ĐOÀN	18/10/2003	D16TDH&DKTBCN5	1.770.000
826	21810180453	NGUYỄN KHẮC	DƯƠNG	02/03/2003	D16DCN&DD2	590.000
827	21810410619	PHẠM ĐỨC	TOÀN	14/07/2003	D16CNKTDK2	1.180.000
828	21810810274	NGUYỄN YẾN	NHI	24/08/2003	D16KTDN5	2.227.500
829	21810440621	ĐẶNG THẾ	MẠNH	02/02/2003	D16THDK&TDH2	1.395.000
830	21810620494	VŨ THIÊN	THUÂN	16/07/2003	D16CODT4	2.610.000
831	21819140269	TĂNG XUÂN	THÀNH	28/03/2003	D16QLMTCN	495.000
832	21810540495	PHẠM DUY	CÔNG	13/10/2003	D16DT&KTMT2	1.770.000
833	21810110461	LÊ TÚ	ANH	26/08/2002	D16H4	885.000
834	21810640328	NGUYỄN TÂN	DŨNG	30/07/2003	D16XDCTD	1.770.000
835	21810540499	VŨ ĐỨC	TRỌNG	03/12/2003	D16DT&KTMT2	4.720.000
836	21810170465	LŨ THÀNH	NAM	05/11/2003	D16TDHHHTD3	590.000
837	21810270040	NGUYỄN AN	DUY	10/03/2003	D16KTNL	590.000
838	21819110169	TẠ HUY	HÀ	18/02/2003	D16DIENLANH1	1.770.000
839	21810170467	VŨ ĐÌNH	NGUYỄN	17/09/2003	D16TDHHHTD3	2.065.000
840	21810310580	ĐÌNH XUÂN	CHIẾN	14/04/2002	D16CNPM6	1.770.000
841	21819120173	ĐỖ DUY	THƯỜNG	07/11/2003	D16DIENLANH2	1.180.000
842	21810710373	ĐỖ GIA	LINH	08/10/2003	D16QTDN6	2.227.500
843	21810680468	NGUYỄN VĂN	HANH	09/09/2003	D16CKCTM	590.000
844	21810620508	NGUYỄN THÀNH	NAM	17/10/2003	D16CODT4	1.770.000
845	21810810288	TRẦN MINH	KHÁNH	16/11/2003	D16KTDN5	495.000
846	21810210041	DƯƠNG HẢI	NAM	15/10/2003	D16KTNL	590.000
847	21810410651	PHẠM ANH	ĐỨC	04/11/2003	D16CNKTDK2	1.180.000
848	21810310586	NGUYỄN DUYÊN	QUANG	14/09/2003	D16CNPM6	1.770.000
849	21810630331	VŨ BÌNH	DƯƠNG	17/11/2003	D16XDCTD	4.425.000
850	21810310587	TRẦN VĂN	SINH	24/05/2003	D16CNPM6	2.655.000
851	21810310588	CAO NGUYỄN HÀO	ANH	07/11/2003	D16HTTMDT	2.655.000
852	21810410663	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	28/04/2003	D16TDH&DKTBCN2	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
853	21810610471	DƯƠNG THÀNH	ĐẠT	10/11/2003	D16CKOTO2	590.000
854	21810410664	NGUYỄN HẢI	HÀ	25/04/2003	D16CNKTDK2	2.950.000
855	21810630333	TRẦN VĂN	HIỆP	28/10/2003	D16XDCTD	3.835.000
856	21810710384	PHẠM THANH	HÀO	14/01/2003	D16QTDN6	3.960.000
857	21810620515	NGUYỄN HỮU TRÍ	ĐỨC	14/03/2003	D16CODT4	590.000
858	21810610474	NGUYỄN TẮT	THÔNG	31/08/2001	D16CKCTM	2.655.000
859	21810710386	ĐINH TUẤN	NGHĨA	23/06/2003	D16QTDN6	495.000
860	21810510510	ĐOÀN QUANG	CƯỜNG	11/10/2003	D16DTVT2	1.180.000
861	21810410667	BÙI ĐÌNH	SÁNG	20/10/2003	D16CNKTDK2	1.770.000
862	21810000420	NGUYỄN VIỆT	BÁCH	04/05/2003	D16QTDVDL&LH2	3.217.500
863	21810350591	VŨ VĂN	TƯ	22/04/2003	D16TTNT&TGMT	1.770.000
864	21810440670	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	24/08/2002	D16THDK&TDH2	1.180.000
865	21810620520	BÙI LÂM	TÙNG	13/08/2003	D16CODT4	590.000
866	21810680478	PHẠM VĂN	ĐỒNG	18/12/2003	D16CKOTO3	1.770.000
867	21810710395	LÊ ĐIỂM	QUỲNH	09/02/2003	D16QTDN6	1.980.000
868	21810710396	PHẠM VĂN	DƯƠNG	04/05/2003	D16QTDN6	1.485.000
869	21810410678	ĐOÀN VĂN	DOANH	19/07/2003	D16CNKTDK2	590.000
870	21810810303	PHẠM DUNG	KHÁNH	13/08/2003	D16KTDN5	990.000
871	21810550513	BÌ TRỌNG	BÌNH	03/06/2003	D16DTRB	1.770.000
872	21810230471	NGUYỄN VĂN	DOÃN	03/05/2003	D16QLSX&TN	590.000
873	21810180500	NGUYỄN MINH	CHIẾN	06/05/2003	D16DCN&DD2	590.000
874	21810340604	TRẦN ANH	QUANG	26/08/2003	D16HTTMDT	885.000
875	21810610482	ĐINH THẾ	CƯƠNG	26/12/2003	D16CKCTM	590.000
876	21810620529	NGUYỄN XUÂN	TỎI	18/02/2003	D16CODT4	590.000
877	21810230477	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	30/10/2003	D16QLSX&TN	495.000
878	21810430692	NGUYỄN TÀI	PHÚC	21/11/2003	D16TDH&DKTBCN5	2.065.000
879	21810430695	VŨ HỒNG	QUÂN	24/05/2003	D16TDH&DKTBCN5	885.000
880	21810310614	MAI HẢI	LÂN	15/12/2003	D16CNPM7	885.000
881	21810610489	ĐỖ DUY	THÁI	12/12/2003	D16CKOTO2	1.770.000
882	21810630339	ĐINH CÔNG	THÀNH	20/12/2003	D16XDCTD	3.540.000
883	21810410706	NGUYỄN VĂN	MÙI	07/08/2003	D16TDH&DKTBCN2	590.000
884	21810430707	VŨ	DƯƠNG	01/10/2003	D16TDH&DKTBCN5	2.655.000
885	21810540526	NGUYỄN VĂN	HIẾU	18/11/2003	D16MVT&MT	1.180.000
886	21810440708	VŨ THỊ MAI	LAN	26/08/2002	D16THDK&TDH2	3.245.000
887	21810340618	NGUYỄN ĐỨC	ĐÔNG	24/07/2003	D16HTTMDT	885.000
888	21810340620	TRẦN THỊ THẢO	PHƯƠNG	02/03/2003	D16HTTMDT	2.360.000
889	21810520527	LÊ VĂN	HANH	27/01/2003	D16KTD	885.000
890	21810320621	NGUYỄN VĂN	LINH	05/11/2003	D16QTANM	2.360.000
891	21819130188	ĐỖ HOÀNG	VÂN	20/09/2003	D16DIENLANH2	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
892	21810860447	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/02/2003	D16KDTMTT2	1.627.500
893	21810620544	ĐÌNH QUANG	AN	13/12/2003	D16CODT5	1.180.000
894	21819120189	NGUYỄN CHÍ	VŨ	26/09/2003	D16DIENLANH2	1.180.000
895	21810170511	VƯƠNG VĂN	CÔNG	24/02/2003	D16TDHHTD3	885.000
896	21810550532	ĐẶNG BÌNH	DƯƠNG	18/07/2003	D16DTRB	885.000
897	21819120190	KIỀU ĐỎAN	HIỆP	02/08/2003	D16DIENLANH2	590.000
898	21819120191	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	17/03/2003	D16DIENLANH2	590.000
899	21810410711	NGUYỄN PHI	HÙNG	03/11/2002	D16CNKTDK2	590.000
900	21810640344	TỔNG XUÂN	TRUNG	26/08/2003	D16QLDA&CTXD	4.130.000
901	21810680504	NGUYỄN PHI	LONG	21/09/2003	D16CKOTO3	285.000
902	21810680505	PHÙNG HUY	NAM	18/03/2003	D16CKOTO3	3.540.000
903	21810510539	NGUYỄN VĂN	LONG	27/07/2003	D16DTVT2	2.655.000
904	21810860448	PHAN THỊ TUYẾT	NGA	16/12/2002	D16KDTMTT1	7.672.500
905	21810310632	TRẦN ĐẠI	HIỆP	10/11/2003	D16CNPM7	590.000
906	21810620554	NGUYỄN MINH	TIẾN	01/02/2003	D16CODT5	2.065.000
907	21810820317	CẦN BÙI PHƯƠNG	NAM	19/05/2003	D16TCDN1	2.970.000
908	21810430714	TÔ THẾ	THANH	16/08/2003	D16TDH&DKTBCN4	885.000
909	21810430730	TỔNG PHẠM DUY	ANH	06/10/2003	D16TDH&DKTBCN2	1.770.000
910	21810710425	TRẦN THU	TRANG	22/12/2003	D16QTDN6	990.000
911	21810820319	ĐỖ HẠNH	NGUYỄN	24/02/2003	D16TCDN1	2.227.500
912	21810310634	ĐỖ QUỐC	VĂN	13/08/2003	D16CNPM7	1.180.000
913	21810110523	PHẠM MINH	HẢI	29/09/2003	D16H4	295.000
914	21810410736	HOÀNG NGUYỄN THẾ	ANH	07/02/2003	D16CNKTDK2	1.180.000
915	21810820320	PHẠM GIA	NAM	31/07/2003	D16TCDN2	3.217.500
916	21810310635	ĐỖ SƠN	TÙNG	26/07/2003	D16CNPM7	1.395.000
917	21810110527	DIỆU HẢI	LONG	28/04/2003	D16H4	1.770.000
918	21810620561	TRẦN MẠNH	HÙNG	26/09/2003	D16CODT5	590.000
919	21810710429	NGUYỄN QUỐC	BẢO	30/05/2003	D16QTDN1	2.227.500
920	21810710430	ĐÀO NGỌC	ANH	10/03/2003	D16QTDN1	2.227.500
921	21810110530	NGUYỄN ĐỨC	KHÁNH	09/09/2003	D16H4	590.000
922	21810510542	NGUYỄN PHẠM NHẬT	LONG	20/08/2003	D16DTVT2	1.180.000
923	21810620564	BÙI ĐỨC	ANH	08/05/2003	D16CODT5	1.180.000
924	21810440740	ĐỖ TUẤN	ANH	14/04/2003	D16THDK&TDH2	1.770.000
925	21810410742	NGUYỄN DUY ĐỨC	VIỆT	01/05/2003	D16CNKTDK2	590.000
926	21810640345	NGUYỄN PHỤNG	HOÀNG	29/10/2003	D16QLDA&CTXD	590.000
927	21810710434	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	19/02/2003	D16QTDN4	1.732.500
928	21810670347	TRẦN VĂN	ÁNH	07/04/2003	D16CODCT	590.000
929	21810660512	NGUYỄN HUY	HOÀNG	28/12/2003	D16CNCTTBD	590.000
930	21810650348	NGÔ MẠNH	DƯƠNG	04/07/2003	D16XDDD&CN	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
931	21810180543	GIÀNG VĂN	GIÀNG	05/07/2003	D16DCN&DD1	590.000
932	21819120195	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	15/01/2003	D16DIENLANH2	1.180.000
933	21810170544	LƯU ĐỨC	ANH	18/10/2003	D16TDHHTD3	590.000
934	21810610518	NGUYỄN BÁ NGỌC	THAO	07/04/2003	D16CKCTM	1.260.000
935	21810810333	ĐẶNG THANH	MAI	21/06/2003	D16KTDN3	2.227.500
936	21810830334	LÊ TỐ	UYÊN	06/11/2003	D16KT&KS	1.295.000
937	21810270047	ĐÌNH QUANG	ANH	12/06/2003	D16KTNL	590.000
938	21810310652	LƯƠNG VĂN	TRƯỜNG	15/11/2003	D16CNPM4	5.900.000
939	21810640356	TRẦN THANH	HOÀNG	01/03/2003	D16QLDA&CTXD	3.540.000
940	21810440759	NGUYỄN VĂN	HIẾU	12/08/2003	D16THDK&TDH1	590.000
941	21810110552	TRẦN XUÂN	QUỐC	16/09/2003	D16H4	1.770.000
942	21810720446	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	14/07/2003	D16QTDN2	1.485.000
943	21810640359	NGUYỄN VĂN	AN	05/10/2002	D16QLDA&CTXD	2.360.000
944	21810810337	TÔ THỊ KIM	HỒNG	16/08/2003	D16KTDN1	1.485.000
945	21810310654	LÊ BÁ	HIẾU	03/04/2003	D16CNPM6	6.195.000
946	21810180553	NGUYỄN VĂN	ÁNH	03/08/2002	D16DCN&DD1	885.000
947	21810180555	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	05/01/2003	D16DCN&DD2	590.000
948	21810230504	NGUYỄN QUÝ	DƯƠNG	20/08/2003	D16QLSX&TN	590.000
949	21810170557	TRẦN HẢI	DƯƠNG	15/03/2003	D16TDHHTD3	7.920.000
950	21810630360	NINH XUÂN	ĐẠI	11/09/2003	D16XDCTD	5.310.000
951	21810110558	NGUYỄN HỒNG	DŨNG	14/07/2003	D16H4	590.000
952	21810820330	ĐỖ HÀ	LINH	30/05/2003	D16TCDN1	1.485.000
953	21810230508	PHAN VĂN	HIẾU	21/01/2003	D16LOGISTICS3	270.000
954	21810110560	PHẠM QUÝ	DƯƠNG	19/02/2003	D16H4	590.000
955	21810210051	LÊ THÀNH	ĐẠT	04/05/2003	D16QLNLTN	495.000
956	21810310660	TRẦN TRỌNG	ĐỨC	09/10/2003	D16CNPM4	4.130.000
957	21810570548	TRẦN QUỐC	ANH	03/06/2003	D16MVT&MT	1.180.000
958	21810680527	TRẦN HẢI	QUÝ	15/01/2003	D16CKOTO3	1.180.000
959	21810230510	NGUYỄN PHƯỚC	TÚ	05/10/2003	D16LOGISTICS3	495.000
960	21810640367	ĐÌNH HẢI	CUÔNG	12/12/2003	D16QLDA&CTXD	1.770.000
961	21810860459	LÊ ĐỨC	TRUNG	29/08/2003	D16KDTMTT1	2.970.000
962	21810340663	LÊ DUY	KIÊN	26/08/2003	D16HTTMDT	3.540.000
963	21810610529	LA ĐỨC	CHÍNH	28/02/2003	D16CKCTM	590.000
964	21810620588	LƯU QUANG	VŨ	09/10/2003	D16CODT5	840.000
965	21810510550	PHẠM GIA	MINH	09/10/2003	D16DTVT2	1.180.000
966	21810650370	TRẦN VŨ	HOÀNG	15/10/2003	D16XDDD&CN	1.180.000
967	21810520551	HOÀNG THẾ	ANH	19/12/2003	D16KTDT	885.000
968	21810430776	NGUYỄN TRÍ	KIÊN	02/12/2002	D16TDH&DKTBCN4	1.180.000
969	21810520553	PHẠM PHÚ	THUYỀN	11/03/2003	D16KTDT	885.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
970	21810320667	ĐÀO PHÚ	QUÝ	23/10/2003	D16QTANM	7.965.000
971	22810430001	ĐINH NAM	KHÁNH	13/09/2004	D17TDH&DKTBCN1	2.020.000
972	22810710030	NGUYỄN THÀNH	VINH	25/04/2004	D17KIEMTOAN1	742.500
973	22810820037	HOÀNG MINH	ANH	10/02/2004	D17TCDN2	1.485.000
974	22810310004	ĐỖ LÊ ANH	MINH	16/02/2004	D17CNPM1	1.770.000
975	22810710072	TRẦN VĂN	TRÀ	17/09/2004	D17QTDN2	2.227.500
976	22810710077	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÁT	18/05/2004	D17QTDN2	2.227.500
977	22810710097	GIÁP THÀNH	TRUNG	25/03/2004	D17QTDN2	2.227.500
978	22810820070	NGUYỄN THU	HIỀN	23/06/2004	D17TCDN2	2.227.500
979	22810430006	BÙI ĐỨC	ANH	02/09/2004	D17TDH&DKTBCN1	2.020.000
980	22810850045	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	18/07/2004	D17KIEMTOAN1	1.485.000
981	22810850050	NGUYỄN THẾ	VINH	30/10/2004	D17KIEMTOAN1	2.227.500
982	22810820100	NGUYỄN THỊ	NGHIÊN	22/01/2004	D17TCDN2	2.227.500
983	22810710161	THÁI DUY NGỌC	PHAN	23/05/2004	D17QTDN3	2.227.500
984	22810710172	HÀ CÔNG	TUYÊN	12/08/2004	D17QTDN3	2.227.500
985	22810710183	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	12/06/2004	D17QTDN3	4.207.500
986	22810170012	PHẠM HUY	HOÀNG	13/10/2004	D17TDHHTD1	1.180.000
987	22819120008	ĐỖ TÁ HÙNG	ANH	18/12/2004	D17DIENLANH1	590.000
988	22810650005	NGUYỄN NHẬT	QUÂN	07/01/2004	D17XDDD&CN	2.360.000
989	22810320012	NGUYỄN QUỐC MINH	TUẤN	13/01/2004	D17QTANM	1.180.000
990	22810810033	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	28/01/2004	D17KTDN1	742.500
991	22819150001	ĐOÀN MẠNH	DUYỆT	26/04/2004	D17NLTT1	590.000
992	22810810054	BÙI KHÁNH	LINH	26/07/2004	D17KTDN1	742.500
993	22810810061	NGUYỄN KIẾN	MINH	24/02/2004	D17KTDN1	1.485.000
994	22810810086	ĐÀO HẢI	YẾN	15/03/2004	D17KTDN2	742.500
995	22810810106	TRỊNH PHƯƠNG	LINH	04/03/2004	D17KTDN2	742.500
996	22810830112	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	11/09/2004	D17KT&KS	742.500
997	22810810118	HÀN THỊ KIM	KHÁNH	05/09/2004	D17KTDN2	1.485.000
998	22810810142	NGUYỄN THUÝ	QUỲNH	14/02/2004	D17KTDN3	742.500
999	22810830170	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	23/08/2004	D17KT&KS	1.485.000
1000	22810860077	VŨ THẾ	PHƯƠNG	16/08/2003	D17KDTMTT2	885.000
1001	22810810181	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	26/10/2004	D17KTDN3	742.500
1002	22810810191	NGUYỄN MẠNH	HOÀNG	24/01/2004	D17KTDN3	742.500
1003	22810830197	HOÀNG HƯƠNG	GIANG	23/07/2004	D17KT&KS	742.500
1004	22810810207	HOÀNG THÙY	LINH	14/03/2004	D17KTDN3	1.485.000
1005	22810860094	ĐỖ THU	HOÀI	03/09/2004	D17KDTMTT2	742.500
1006	22810810211	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	18/09/2004	D17KTDN1	742.500
1007	22810830214	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	04/12/2004	D17KT&KS	2.670.000
1008	22810310035	VŨ ĐĂNG	KHOA	01/02/2004	D17CNPM1	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
1009	22810310056	NGUYỄN CAO	NGUYỄN	26/12/2004	D17CNPM1	2.360.000
1010	22810630022	ĐOÀN NGỌC	VŨ	09/10/2004	D17XDCTD	3.540.000
1011	22810310079	BÙI VĂN	TRƯỜNG	04/04/2004	D17CNPM1	2.360.000
1012	22810310100	LÊ ĐỨC	PHƯƠNG	15/05/2004	D17CNPM2	2.655.000
1013	22810640029	LÂM PHƯƠNG	LÂM	10/02/2004	D17QLDA&CTXD1	590.000
1014	22810630031	LÊ VIỆT	AN	26/12/2004	D17XDCTD	3.540.000
1015	22810670035	DƯƠNG TIẾN	TRUNG	06/02/2004	D17CODCT	5.310.000
1016	22810310146	NGUYỄN VĂN	TÚ	01/02/2004	D17CNPM2	1.395.000
1017	22810650039	TRẦN HỮU	DOANH	12/02/2004	D17XDDD&CN	2.655.000
1018	22810650041	HOÀNG VĂN	NAM	04/10/2004	D17XDDD&CN	1.770.000
1019	22810310185	PHAN ĐẮC	NHÂN	06/08/2004	D17CNPM3	1.770.000
1020	22810710203	TRẦN ĐỨC	LƯƠNG	16/07/2004	D17QTDN3	2.970.000
1021	22810310197	LÊ NGỌC	HUYỀN	27/09/2004	D17CNPM3	885.000
1022	22810310227	PHẠM MẠNH	CƯỜNG	11/06/2004	D17CNPM4	1.430.000
1023	22810640052	NGUYỄN TRUNG	QUÂN	04/04/2004	D17QLDA&CTXD1	2.655.000
1024	22810650059	NGUYỄN THÀNH	LONG	10/11/2004	D17XDDD&CN	590.000
1025	22810310284	NGUYỄN VŨ KHÔI	PHONG	05/09/2004	D17CNPM4	2.360.000
1026	22810630073	LÊ XUÂN	HIỆU	02/11/2004	D17XDCTD	3.280.000
1027	22810630078	PHẠM ANH	TÚ	28/04/2004	D17CODCT	3.540.000
1028	22810310303	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	19/09/1997	D17CNPM5	1.395.000
1029	22810410026	HOÀNG VŨ	KIÊN	21/03/2004	D17CNKTDK1	1.180.000
1030	22810640097	ĐỖ ĐÌNH MINH	HIẾU	11/11/2004	D17QLDA&CTXD2	7.885.000
1031	22810640100	ĐÀO VĂN	MINH	21/02/2004	D17QLDA&CTXD2	2.360.000
1032	22810340349	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	28/10/2004	D17HTTMDT	1.770.000
1033	22810670105	PHẠM ĐÌNH	DƯƠNG	30/08/2003	D17CODCT	590.000
1034	22810310384	HOÀNG QUỐC	HUY	22/09/2004	D17CNPM6	1.180.000
1035	22819150007	NGUYỄN MINH	QUANG	21/05/2004	D17NLTT1	590.000
1036	22810320398	ĐỒNG CAO	KỶ	22/01/2004	D17QTANM	5.310.000
1037	22810640120	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	12/09/2004	D17QLDA&CTXD2	2.360.000
1038	22819130021	LÊ TUẤN	NAM	10/04/2004	D17NHIETCN	1.680.000
1039	22810640126	NGUYỄN TRỌNG	ĐẠT	22/12/2004	D17QLDA&CTXD2	590.000
1040	22810230033	VÕ QUỐC	HUY	13/02/2004	D17QLCN1	1.732.500
1041	22810650131	ĐÀO VIỆT	YÊN	18/01/2003	D17XDDD&CN	1.770.000
1042	22810440039	HOÀNG TUẤN	HIỆP	22/03/2004	D17THDK&TDH1	1.770.000
1043	22810230044	LÊ QUÝ	HÀO	25/11/2004	D17LOGISTICS1	590.000
1044	22810620010	PHẠM DUY	PHONG	18/12/2004	D17CODT1	1.770.000
1045	22810440047	ĐÌNH HOÀNG	ANH	15/07/2004	D17THDK&TDH1	1.770.000
1046	22810230073	NGÔ THẢO	LINH	27/11/2004	D17LOGISTICS1	590.000
1047	22810680047	NGUYỄN HỮU	NGỌC	14/08/2004	D17CKOTO	590.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
1048	22810440050	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	28/08/2004	D17THDK&TDH1	590.000
1049	22810000156	NGUYỄN NAM	KHÁNH	20/05/2004	D17QLNL1	990.000
1050	22810230120	DOÃN KIM	HỌC	28/01/2004	D17LOGISTICS2	590.000
1051	22810230136	PHẠM NGỌC	GIÁP	05/12/2004	D17LOGISTICS2	590.000
1052	22819150012	NGÔ HỮU HẢI	MINH	15/05/2004	D17NLTT1	590.000
1053	22810240134	TRƯƠNG MINH	THÔNG	14/05/2004	D17QLCN1	590.000
1054	22810230144	NGUYỄN QUANG	HUY	21/01/2004	D17QLCN2	590.000
1055	22810000172	NGÔ HOÀNG	ĐỨC	18/11/2004	D17QLNL2	590.000
1056	22810230148	HOÀNG THỊ	TÂM	02/05/2004	D17LOGISTICS2	590.000
1057	22810620071	NGUYỄN MINH	SƠN	07/09/2004	D17CODT2	590.000
1058	22810680086	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	04/09/2004	D17CKOTO	1.770.000
1059	22810230164	TÔ TÙNG	LÂM	29/07/2004	D17QLCN2	590.000
1060	22810170060	TRẦN VĂN	CƯỜNG	14/05/2004	D17TDHHTD1	1.770.000
1061	22810230173	ĐOÀN ĐÌNH	HÙNG	26/12/2004	D17LOGISTICS2	590.000
1062	22810620078	PHẠM NGỌC	NAM	17/05/2004	D17CODT2	590.000
1063	22810270192	BÙI HUYỀN	TRANG	23/11/2004	D17QLNL2	990.000
1064	22810680098	NGUYỄN MINH	QUÂN	10/02/2004	D17CKOTO	1.770.000
1065	22810230185	NGUYỄN HÀ	KHƯƠNG	13/07/2004	D17LOGISTICS2	1.980.000
1066	22810230186	TRẦN HƯƠNG	LAN	21/01/2004	D17LOGISTICS2	590.000
1067	22810230189	NGUYỄN XUÂN	QUANG	24/01/2003	D17LOGISTICS2	2.227.500
1068	22810230204	ĐOÀN GIA	HÂN	26/11/2004	D17LOGISTICS2	1.580.000
1069	22810510105	NGUYỄN GIA	HUY	02/09/2004	D17DT&KTMT1	1.180.000
1070	22819150014	ĐẶNG QUỐC	HÙNG	29/06/2003	D17NLTT1	590.000
1071	22819110055	TRẦN MINH	QUANG	13/11/2004	D17NHIEDIEN	590.000
1072	22819150028	TRẦN HOÀI	NAM	31/05/2004	D17NLTT1	1.770.000
1073	22819110103	NGUYỄN THANH	BÁCH	21/10/2004	D17NHIEDIEN	590.000
1074	22819110106	LÊ THÀNH	CÔNG	13/10/2004	D17NHIEDIEN	590.000
1075	22819150038	NGÔ LÂM	TÙNG	11/06/2004	D17NLTT1	590.000
1076	22810430121	TRẦN VĂN	TRUNG	03/06/2004	D17TDH&DKTBCN2	590.000
1077	22819150043	NGUYỄN ĐỨC	MINH	15/12/2004	D17NLTT1	590.000
1078	22819150051	BÙI QUANG	THÁI	09/10/2004	D17NLTT2	420.000
1079	22819120160	VŨ ĐÌNH	PHÚ	27/03/2004	D17DIENLANH2	590.000
1080	22810530243	LÊ VĂN THÁI	BÁCH	23/07/2004	D17TBDTYT	3.030.000
1081	22819150076	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	ANH	04/05/2004	D17NLTT2	1.770.000
1082	22810440153	PHAN ĐÌNH ANH	ĐỨC	11/01/2004	D17THDK&TDH1	590.000
1083	22810410154	VŨ NHẤT	NGUYỄN	18/11/2004	D17CNKTKDK1	520
1084	22810110139	LÊ TRỌNG	KIÊN	08/09/2004	D17H1	1.770.000
1085	22810180141	NGUYỄN ANH	TUẤN	16/07/2004	D17TDHHTD2	4.720.000
1086	22819150080	NGUYỄN TRUNG HIẾU	ANH	08/10/2004	D17NLTT2	1.770.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
1087	22819150084	NGUYỄN KHÁNH	DUY	10/09/2004	D17NLTT2	590.000
1088	22819150085	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	23/01/2004	D17NLTT2	590.000
1089	22810440225	TẠ DUY	HÂN	20/01/2004	D17THDK&TDH2	1.770.000
1090	22810440227	VŨ MẠNH	HOÀNG	07/03/2004	D17THDK&TDH2	590.000
1091	22810410237	HÀ ĐỨC	TOÀN	28/07/2004	D17CNKTDK1	420.000
1092	22810410254	NGUYỄN MINH	HIẾU	15/09/2004	D17CNKTDK1	1.180.000
1093	22810170247	PHẠM XUÂN	ĐỨC	03/11/2004	D17TDHHTD2	2.100.000
1094	22810440267	BÙI ĐỨC	MINH	04/02/2004	D17THDK&TDH2	590.000
1095	22810110254	NGUYỄN DUY	ANH	02/07/2004	D17H2	1.770.000
1096	22810440298	NGUYỄN TUẤN	ANH	28/01/2004	D17THDK&TDH2	1.180.000
1097	22810440332	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	11/09/2004	D17THDK&TDH2	1.770.000
1098	22810440333	NGUYỄN ĐỨC	QUÂN	05/03/2004	D17THDK&TDH2	1.770.000
1099	22810440335	TRẦN TRƯỜNG	BÁCH	11/09/2004	D17THDK&TDH2	590.000
1100	22810430391	NGUYỄN LÂM BÁ	KIỆT	11/11/2004	D17TDH&DKTBCN4	1.180.000
1101	22810110405	HOÀNG ĐỨC	MẠNH	18/03/2004	D17H3	885.000
1102	22810110410	LƯU ĐỨC	VĨ	02/03/2004	D17H3	1.180.000
1103	22810110425	NGUYỄN TUẤN	HÙNG	15/10/2004	D17H3	1.770.000
1104	22810710211	LƯƠNG NGỌC	TIẾN	22/01/2004	D17QTDN3	2.227.500
1105	22810110446	NGUYỄN VIỆT	HIẾU	16/03/2004	D17TDHHTD2	1.770.000
1106	22810170476	NGUYỄN ĐỨC	TÂM	11/02/2004	D17TDHHTD1	590.000
1107	23810820009	ĐỖ HỒNG	PHUƠNG	21/03/2005	D18TCDN1	2.227.500
1108	23819140004	NGUYỄN TRẦN TÙNG	DƯƠNG	29/06/2005	D18QLMTCN	44.020
1109	23810710020	NGÔ THỊ	NGỌC	06/06/2005	D18QTDN1	1.888.500
1110	23810680004	MAI XUÂN	HÙNG	29/07/2005	D18CKOTO	340.000
1111	23810710087	NGUYỄN	SƠN	09/06/2005	D18QTDN2	225.000
1112	23810850037	NGUYỄN TUẤN	NAM	19/11/2005	D18KIEMTOAN	1.485.000
1113	23810820064	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	20/08/2005	D18TCDN1	1.485.000
1114	23810710122	ĐỖ MINH	QUÂN	24/10/2005	D18QTDN2	225.000
1115	23810170034	NGUYỄN ĐỨC	ANH	04/01/2005	D18TDHHTD1	340.000
1116	23810610008	NGUYỄN VĂN	TÌNH	13/10/2005	D18CKCTM	340.000
1117	23810710171	TRẦN HUYỀN	TRANG	09/07/2005	D18QTDN3	225.000
1118	23810710185	PHẠM VĂN	ĐĂNG	05/11/2005	D18QTDN3	225.000
1119	23810710195	NGUYỄN THỊ HOÀI	LY	22/08/2005	D18QTDN3	225.000
1120	23810650012	LƯƠNG QUANG	BÌNH	22/09/2005	D18XDDD&CN	1.180.000
1121	23810720209	NGUYỄN DIỆU	LINH	20/09/2005	D18QTDN2	990.000
1122	23810620006	PHÙNG ĐÌNH	CÔNG	13/05/2005	D18CODT1	340.000
1123	23810110057	TRẦN MẠNH	DUY	18/02/2005	D18H1	1.180.000
1124	23810860085	NGUYỄN QUANG	TÙNG	28/06/2005	D18KDTMTT2	1.260.000
1125	23810860088	BÙI NGỌC	ÁNH	22/09/2005	D18KDTMTT2	1.485.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
1126	23810620008	NGUYỄN TRỌNG	ĐẠT	06/10/2005	D18CODT1	340.000
1127	23810110071	VƯƠNG DUY	NGHĨA	29/09/2005	D18H1	1.020.000
1128	23810620011	TRẦN ĐĂNG	DƯƠNG	31/08/2005	D18CODT1	340.000
1129	23810110075	LÊ ANH	VĂN	04/06/2005	D18H1	340.000
1130	23810430021	NGUYỄN DOÃN BẢO	LONG	12/07/2005	D18TDH&DKTBCN1	340.000
1131	23810320046	NGUYỄN PHÙNG	HÙNG	11/03/2005	D18QTANM	590.000
1132	23810310061	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	15/08/2005	D18CNPM1	590.000
1133	23810640026	TRẦN ĐÀO TRUNG	HIẾU	03/06/2005	D18QLDA&CTXD	590.000
1134	23810340104	NGÔ VĂN	ĐỨC	01/05/2005	D18HTTMDT	545.000
1135	23810170082	NGUYỄN PHÚC	LÂM	04/12/2005	D18TDHHTD1	1.020.000
1136	23810310139	ĐÀO ĐỨC	HOÀNG	07/11/2005	D18CNPM2	510.000
1137	23810310146	PHẠM ĐỨC	CHIẾN	20/02/2005	D18CNPM2	885.000
1138	23810310155	NGUYỄN VĂN	MINH	05/10/2005	D18CNPM2	1.770.000
1139	23810310186	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	20/10/2005	D18CNPM3	1.769.500
1140	23810310211	ĐỖ XUÂN	VŨ	30/10/2005	D18CNPM3	510.000
1141	23810220010	LÊ VĂN HUY	HOÀNG	23/11/2005	D18QLCN1	742.500
1142	23810310262	NGUYỄN MẠNH	TOÀN	11/11/2005	D18CNPM4	510.000
1143	23810310293	VŨ TRƯỜNG	GIANG	26/07/2005	D18CNPM4	2.360.000
1144	23810310307	VŨ ĐÌNH	TRƯỜNG	31/01/2005	D18CNPM4	590.000
1145	23810680039	NGUYỄN HOÀNG	LONG	10/12/2005	D18CKOTO	340.000
1146	23810620030	NGÔ GIA	KHÁNH	12/10/2005	D18CODT1	340.000
1147	23810170096	NGUYỄN VĂN	HUÂN	07/10/2005	D18TDHHTD1	1.020.000
1148	23810620032	LỘC HOÀNG KHÁNH	HÙNG	22/04/2005	D18CODT1	340.000
1149	23810310393	NGUYỄN ĐỨC	ANH	07/02/2005	D18CNPM5	590.000
1150	23810310402	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	25/03/2005	D18CNPM1	1.430.000
1151	23810310403	ĐẶNG HOÀNG	TÙNG	22/08/2005	D18CNPM1	510.000
1152	23810620035	ĐÌNH VĂN KHÁNH	VINH	10/03/2005	D18CODT1	340.000
1153	23810680050	NGUYỄN BẢO	NGỌC	15/10/2005	D18CKOTO	340.000
1154	23810620038	LƯƠNG PHÚC	LÂM	10/02/2004	D18CODT1	340.000
1155	23810230032	TÔN ĐỨC	TÀI	01/12/2005	D18LOGISTICS1	340.000
1156	23810680064	DƯƠNG THẾ	HUÂN	17/08/2005	D18CKOTO	340.000
1157	23810680068	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	02/08/2005	D18CKOTO	340.000
1158	23810680070	PHẠM VĂN	CƯỜNG	08/01/2005	D18CKOTO	340.000
1159	23810680072	NGUYỄN TRỌNG	TIỀN	01/12/2005	D18CKOTO	340.000
1160	23810230060	ĐÌNH VĂN	THIỆN	24/06/2005	D18LOGISTICS1	340.000
1161	23810680073	NGUYỄN XUÂN	QUÝ	21/09/2005	D18CKOTO	340.000
1162	23810220044	ĐÌNH THÀNH	DUY	02/04/2005	D18QLCN1	1.260.000
1163	23810310435	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	01/08/2005	D18CNPM4	510.000
1164	23810220054	VŨ MẠNH	TÙNG	19/10/2005	D18QLCN1	680.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
1165	23810620060	LẠI BÁ	QUYẾT	10/07/2005	D18CODT2	340.000
1166	23810610101	HOÀNG VIỆT	LỘC	05/01/2005	D18CKCTM	340.000
1167	23810680102	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	27/02/2005	D18CKOTO	340.000
1168	23810230129	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	10/12/2005	D18LOGISTICS3	2.475.000
1169	23810610107	TĂNG GIA	PHÁP	06/10/2005	D18CKCTM	510.000
1170	23810680111	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	27/10/2005	D18CKOTO	340.000
1171	23810230170	NGUYỄN THỊ MẪN	NHI	23/01/2005	D18LOGISTICS3	340.000
1172	23810610120	LÊ PHÚ TÙNG	DƯƠNG	05/03/2005	D18CKCTM	340.000
1173	23810680126	NGUYỄN NGỌC ANH	VŨ	14/02/2005	D18CKOTO	340.000
1174	23810310444	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	18/05/2005	D18CNPM5	1.680.000
1175	23810620108	NGUYỄN MINH	ĐỨC	25/06/2005	D18CODT1	340.000
1176	23810680145	LÊ ĐỒNG	LUƠNG	23/06/2005	D18CKOTO	340.000
1177	23810540067	ĐÀO XUÂN	GIANG	12/06/2005	D18DT&KTMT1	1.020.000
1178	23810540114	NGUYỄN NHẬT	HOÀNG	07/02/2005	D18DT&KTMT2	1.770.000
1179	23819110064	ĐỒNG QUANG ĐỨC	ANH	27/11/2005	D18NHIETDIEN	340.000
1180	23810440090	NGUYỄN PHÚ THẾ	ANH	21/09/2005	D18THDK&TDH1	1.770.000
1181	23819120123	MAI HỒNG	KỶ	02/01/2005	D18DIENLANH2	1.020.000
1182	23810540245	NGUYỄN LẬP	THIÊN	10/12/2005	D18DT&KTMT3	884.520
1183	23810430111	NGUYỄN XUÂN	TOÁN	18/09/2005	D18TDH&DKTBCN3	1.770.000
1184	23810540254	PHÙNG DUY	ANH	27/09/2005	D18DT&KTMT3	1.770.000
1185	23819140042	HOÀNG ANH	DŨNG	20/09/2005	D18QLMTCN	520
1186	23810430147	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	20/10/2005	D18TDH&DKTBCN2	680.000
1187	23810170295	PHẠM ĐỨC	DŨNG	09/03/2005	D18TDHHTD3	1.180.000
1188	23810110304	TRỊNH DUY	PHONG	07/04/2005	D18H2	2.020.000
1189	23810180326	PHẠM MINH	THUẬN	15/10/2005	D18DCN&DD2	1.020.000
1190	23810430201	THÁI HỮU	MẠNH	09/11/2005	D18TDH&DKTBCN2	680.000
1191	23810440228	NGUYỄN ANH	ĐỨC	30/10/2005	D18THDK&TDH2	1.770.000
1192	23810440248	LÊ NHO	NGHĨA	22/12/2005	D18THDK&TDH2	1.770.000
1193	23810410267	LÊ THANH	HUY	11/10/2005	D18CNKTDK2	340.000
1194	23819150096	HOÀNG NHƯ	Ý	25/10/2005	D18NLTT2	520
1195	23810680153	VŨ TUẤN	SƠN	01/05/2005	D18CKOTO	340.000
1196	23810440319	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	03/12/2005	D18THDK&TDH2	1.770.000
1197	24819140008	PHẠM CHIẾN	THẮNG	16/10/2006	D19QLMTCN	2.520.000
1198	24810820004	ĐÀO THỊ XUÂN	MỸ	02/02/2006	D19TCDN1	4.675.650
1199	24810640002	PHẠM HỒNG	THẮNG	16/10/2006	D19QLDA&CTXD	210.650
1200	24810310021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	21/05/2006	D19CNPM1	5.330.650
1201	24810180049	ĐỒNG TUẤN	NAM	16/01/2006	D19DCN&DD1	4.830.650
1202	24810810021	TRẦN MINH	ANH	19/01/2006	D19KT&KS2	4.675.650
1203	24810670071	NGUYỄN THẾ	ANH	05/02/2006	D19CODCT	210.650

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp chữ	Còn nợ
1204	24819120096	NGUYỄN ANH	ĐĂNG	25/04/2006	D19DIENLANH2	1.130.650
1205	24810640094	NGUYỄN MẠNH	QUANG	20/12/2006	D19QLDA&CTXD	210.650
1206	24810620045	MAI VĂN	ĐẠI	12/08/2005	D19CODT1	5.750.650
1207	24810440070	ĐÀO NGỌC	MINH	06/07/2006	D19THDK&TDH1	1.260.000
1208	24810670131	PHẠM MINH	TIỆP	19/09/2006	D19CODCT	1.260.000
1209	24810630134	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	28/12/2006	D19XDCTD	210.650
1210	24810540098	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	28/07/2005	D19DT&KTMT1	6.300.000
1211	24810710253	NGUYỄN HOÀI	PHONG	15/11/2005	D19QTDN4	3.415.650
1212	24810680191	VŨ QUANG	HIỆP	24/11/2006	D19CKOTO	5.750.650
1213	24810680192	TRỊNH QUỐC	ĐẠT	13/01/2006	D19CKOTO	5.750.650
1214	24810840193	TRẦN THỊ	UYÊN	06/09/2006	D19NGANHANG2	4.675.650
1215	24810170383	PHẠM ANH	ĐẠI	01/01/2006	D19TDHHTD3	4.830.650
1216	24810170403	NGUYỄN THẾ	HUY	07/11/2006	D19TDHHTD3	4.830.650
1217	24810340293	ĐIỀU VĂN	THOẠI	20/01/2006	D19HTTMDT1	4.070.650
1218	24810170446	THÂN VĂN	HẬU	25/10/2006	D19TDHHTD3	4.830.650
1219	24810440232	NGUYỄN HỮU QUỐC	ANH	01/12/2006	D19THDK&TDH2	4.490.650
1220	24810170533	DƯƠNG QUANG	HUY	01/11/2006	D19TDHHTD4	4.830.650
1221	24810320364	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	25/09/2006	D19QTANM2	4.070.650
1222	24810110596	NGUYỄN KHÁNH	SƠN	24/09/2006	D19H4	4.830.650
1223	24810310453	TRẦN MẠNH	DŨNG	21/04/2006	D19CNPM5	4.070.650
1224	24810430289	VŨ THANH	HẢI	08/04/2006	D19TDH&DKTBCN3	4.490.650
1225	24810170622	MAI THÀNH	LONG	15/04/2006	D19TDHHTD4	4.830.650
1226	24810640153	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	NAM	18/04/2005	D19QLDA&CTXD	210.650
Tổng cộng:						2.220.519.452